

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI BẢO HIỂM PVI

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013,
Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)

PVIRe

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 343/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02 tháng 12 năm 2022.)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: (024) 3734 2828 Fax: (024) 3734 2626
Website: www.pvire.com.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website: www.mbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Minh Tâm
Chức vụ: Trưởng Ban Tổng hợp – Đầu tư, Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty
Điện thoại: 0902238523
Địa chỉ: Số 8, ngách 1/20 Trần Quốc Hoàn, tổ 10 Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, TP. Hà Nội

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI

*(Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013,
Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐCI/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018)*

**CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá chào bán: 20.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 31.600.000 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 316.000.000.000 đồng

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, bán niên 2022

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7105 0000 Fax : + 84 24 6288 5678

Website : www.deloitte.com/vn

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7304 5688 Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC BẢNG	6
DANH MỤC HÌNH	7
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1. Tổ chức phát hành.....	8
2. Tổ chức tư vấn.....	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	9
1. Rủi ro về kinh tế.....	9
2. Rủi ro về luật pháp.....	12
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán.....	14
5. Rủi ro pha loãng.....	15
6. Rủi ro về quản trị công ty.....	17
7. Rủi ro khác.....	17
III. CÁC KHÁI NIỆM	18
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	20
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	20
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	22
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	23
5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	30
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	31
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	32
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	32
10. Hoạt động kinh doanh.....	32
11. Chính sách với người lao động.....	67
12. Chính sách cổ tức.....	69
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	69

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	69
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	69
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	69
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	70
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	70
2. Tình hình tài chính	73
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	80
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức.....	81
VI. THÔNG TIN VỀ CƠ ĐỒNG SÁNG LẬP, CƠ ĐỒNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	83
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	110
1. Loại cổ phiếu.....	110
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	110
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	110
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	110
5. Giá chào bán dự kiến.....	110
6. Phương pháp tính giá	110
7. Phương thức phân phối	110
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	111
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	112
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	113
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	113
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:	114
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	114
14. Các loại thuế có liên quan	114
15. Thông tin về các cam kết.....	115
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	115
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	116

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SÓ TIỀN THU ĐƯỢC TỬ ĐỢT CHÀO BÁN	117
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	119
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	121
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	122
XIII. PHỤ LỤC	123

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn của PRE.....	30
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/06/2022.....	32
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty.....	36
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	37
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm 2020-06 tháng đầu năm 2022.....	38
Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020.....	40
Bảng 7: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021.....	40
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2022.....	41
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2022.....	41
Bảng 10: Giá gốc các khoản đầu tư tài chính tại cuối kì.....	42
Bảng 11: Tình hình hoạt động đầu tư tài chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	45
Bảng 12: Chi tiết doanh thu từ hoạt động tài chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	45
Bảng 13: Chi tiết chi phí hoạt động tài chính 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	46
Bảng 14: Chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố.....	48
Bảng 15: Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn 2020- 09 tháng đầu năm 2022.....	50
Bảng 17: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay....	55
Bảng 18: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay..	59
Bảng 19: Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021.....	60
Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của PRE tại thời điểm 31/12/2020 đến 30/09/2022.....	67
Bảng 21: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của PRE trong giai đoạn 2020 – 06 tháng đầu năm 2022.....	70
Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh.....	73
Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ.....	73
Bảng 24: Mức lương bình quân.....	74
Bảng 25: Thông tin về tình hình công nợ.....	74
Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty.....	74
Bảng 27: Các khoản phải trả của Công ty.....	77
Bảng 28: Nợ vay của Công ty.....	77
Bảng 29: Dư nợ các khoản vay của Công ty.....	77
Bảng 30: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty.....	78
Bảng 31: Các quỹ trích lập của Công ty.....	79
Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	79

Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	83
Bảng 34: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng	90

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của PRE.....	22
Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của PRE	23

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Phùng Tuấn Kiên Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Trịnh Anh Tuấn Chức vụ: Tổng giám đốc

Ông Ngô Thanh Hải Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Bà Đoàn Linh Hương

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn dịch vụ phát hành cổ phiếu và mua bán sáp nhập

(Theo Giấy ủy quyền số 115/2022/MBS-UQ ngày 05 tháng 09 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB cho bà Đoàn Linh Hương)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 23/2022/MBS/ECM-M&A-HDTV ngày 28 tháng 07 năm 2022 ký với Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

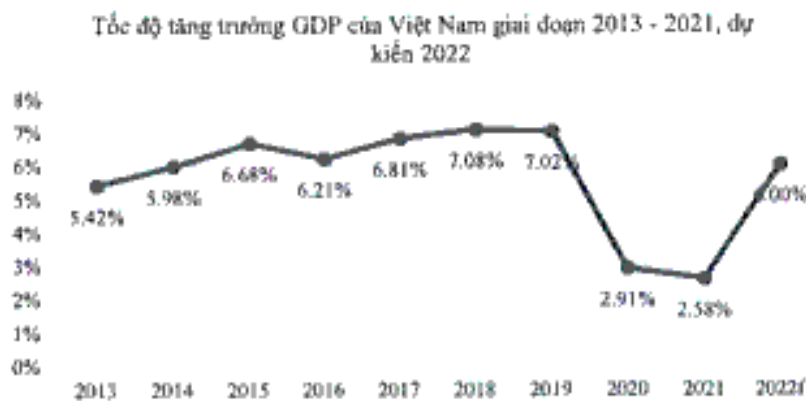
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phiếu phát hành thêm của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

1. Rủi ro về kinh tế

1.1 Rủi ro về tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid – 19, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,58%. Đây là mức thấp nhất trong giai đoạn 2013-2021.



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Tại giai đoạn hậu Covid-19, Việt Nam nằm trong nhóm nước được các tổ chức kinh tế thế giới dự báo có GDP tăng trưởng cao từ 6% - 6,5%/năm.

GDP 9 tháng đầu năm 2022 tăng 8,83%, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2013-2022. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng 2,99%; khu vực công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng 9,44%. Tính riêng ngành công nghiệp, lĩnh vực chế biến, chế tạo

là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 10,69%; trong khi đó khu vực xây dựng tăng 8,55%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động lớn đến sự phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam. Thủ tướng Chính phủ đã chính thức phê duyệt Chiến lược tài chính đến năm 2030, trong đó, định hướng phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế. Chiến lược đã đặt mục tiêu doanh thu ngành bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 15%/năm, đến năm 2025, quy mô đạt khoảng 3 – 3,3% GDP; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 – 2030 là 10%/năm, đến năm 2030 quy mô đạt khoảng 3,3 – 3,5% GDP.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, các hậu quả do dịch bệnh Covid - 19 gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thương gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm.

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Bình quân 9 tháng đầu năm 2022, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%. Giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới; giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023 là những nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI trong 9 tháng đầu năm 2022.

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và kinh doanh bảo hiểm nói riêng. Để kiểm soát lạm phát,

cung tiền tệ và lãi suất sẽ là hai trong số các công cụ điều hành. Khi đó, biến động trên thị trường tài chính sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư của PRE.

Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

1.3 Rủi ro về lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Với đặc thù ngành bảo hiểm, các biến động trong lãi suất có thể gây ra biến động lớn trong giá trị tài sản và giá trị nợ phải trả của công ty. Về phía tài sản, biến động lãi suất có ảnh hưởng lớn đến thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu trong danh mục đầu tư của công ty đồng thời tác động lên biến động giá trên thị trường chứng khoán, do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận đầu tư tài chính của Công ty. Tính đến 30/09/2022, các khoản đầu tư tài chính của PRE là 2.107 tỷ đồng, chiếm khoảng 38,8% tổng tài sản và chủ yếu là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và đầu tư vào các đơn vị khác. Công ty phải đối mặt với rủi ro giảm hiệu quả đầu tư tài chính nếu xu hướng lãi suất tiền gửi biến động giảm mạnh trong tương lai.

Về phía nợ phải trả, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến nghĩa vụ nợ trong tương lai của công ty đối với các chủ hợp đồng. Lãi suất thấp hơn cũng có thể ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động kinh doanh của công ty, làm cho các sản phẩm bảo hiểm kém hấp dẫn hơn, dẫn đến doanh thu và thu nhập dưới dạng phí nhận tái bảo hiểm thấp hơn. Ngoài ra, lãi suất tăng cũng ảnh hưởng đến kế hoạch vay nợ tài chính của Công ty khi làm tăng gánh nặng chi phí lãi suất.

Như vậy, yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Công ty đặc biệt sát sao theo dõi tác động của thị trường để lên các phương án đầu tư đảm bảo hiệu quả, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty. PRE quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường tại thời điểm đầu tư để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của PRE. Ngoài ra, PRE xây dựng mức bù rủi ro theo phân loại tài sản để xác định được lãi suất kỳ vọng của sản phẩm đầu tư.

1.4 Rủi ro ngoại hối

Rủi ro tỷ giá là rủi ro phát sinh khi có các biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường lên những tài sản hoặc nghĩa vụ có gốc ngoại tệ của Tổng Công ty. Tại ngày 30/9/2022, PRE chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ, Won Hàn Quốc và Euro. Đối với các rủi ro PRE cần tái bảo hiểm, chênh lệch tỷ giá có thể gây ra bất lợi cho PRE trong trường hợp có sự chênh lệch về điều kiện, điều khoản thanh toán giữa hợp đồng nhận tái bảo hiểm và hợp đồng nhượng tái bảo hiểm. Tỷ giá biến động mạnh cũng sẽ ảnh hưởng đến việc đánh giá lại và ghi nhận lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

1.5 Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh toán đối với công ty tái bảo hiểm là rủi ro công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Khả năng thanh toán có thể suy giảm trong các trường hợp danh mục đầu tư của Công ty gặp khó khăn, do tính thanh khoản của các tài sản đầu tư thấp hoặc giá trị thanh khoản không đạt kỳ vọng. Đối với PRE, để đảm bảo khả năng thanh toán cho những khoản bồi thường có thể phát sinh, công ty luôn duy trì một tỷ trọng lớn tiền gửi trong tổng danh mục đầu tư; đồng thời theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty cổ phần niêm yết nên hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.

Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, Tổng công ty còn phải tuân thủ các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản hướng dẫn và các quy định khác có liên quan của Bộ Tài chính. Luật và các văn bản dưới Luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty. Rủi ro pháp lý cũng tiềm ẩn khi Công ty phát sinh tranh chấp với khách hàng nhận/nhượng tái bảo hiểm của Công ty.

Nhận thức rõ vấn đề này, Tổng công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật. Tổng công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro kinh doanh

Kinh doanh bảo hiểm là ngành kinh doanh các rủi ro. Các sản phẩm của Tổng công ty được xây dựng trên cơ sở tính toán và cân nhắc những rủi ro có thể xảy ra cũng như các biện pháp

phòng ngừa rủi ro. Rủi ro tái bảo hiểm là khả năng xảy ra việc đánh giá không chính xác mức độ rủi ro được chấp nhận tái bảo hiểm. Cụ thể, mức phí tái bảo hiểm có thể không tương đồng với những tổn thất tiềm tàng thuộc phạm vi trách nhiệm của công ty tái bảo hiểm do công ty không được tiếp cận nguồn thông tin chất lượng, kịp thời, đầy đủ từ khách hàng, từ các đối tác nhượng tái và các đối tác khác trong hoạt động tái bảo hiểm. Tổng công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược nhận tái bảo hiểm, xây dựng tỷ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm nhận tái bảo hiểm, sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

Bên cạnh những rủi ro từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trực lợi bảo hiểm cũng là một yếu tố ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của Tổng công ty. Để giảm thiểu hiện tượng này, Tổng công ty luôn cố gắng hoàn thiện cơ sở pháp lý, tăng cường công tác quản lý và đánh giá rủi ro, cải tiến công tác giám định và giải quyết bồi thường theo hướng kịp thời, chính xác, không gây phiền hà cho khách hàng... Qua đó, Tổng công ty có thể giảm thiểu trực lợi bảo hiểm và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Ngoài hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Tổng công ty cũng tham gia đầu tư tài chính. Trong điều kiện thị trường đầu tư tài chính (mặt bằng lãi suất tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, chính sách,...) diễn biến không thuận lợi, các khoản đầu tư tài chính của PRE sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực và ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

3.2 Rủi ro cạnh tranh

Xu hướng hội nhập là tất yếu, Việt Nam không thể đứng ngoài quá trình này. Việc thực thi các chính sách mới sẽ cần phải có thời gian thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

Bảo hiểm là một ngành dịch vụ tài chính mang tính toàn cầu, rủi ro bảo hiểm không giới hạn trong phạm vi một nước. Thị trường bảo hiểm các nước chịu sự tác động lẫn nhau vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau. Hơn nữa, khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế WTO, việc hội nhập quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm sẽ tạo ra cơ hội và thách thức đòi hỏi thị trường bảo hiểm phải gia tăng năng lực cạnh tranh, phát triển phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh rất cao, không những đối với những doanh nghiệp bảo hiểm đang hoạt động, mà còn đối với cả những doanh nghiệp sắp hoạt động. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh mẽ và phong cách quản lý hiện đại sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp nội nói chung, và Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI nói riêng.

3.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá các rủi ro tín dụng tiềm tàng. Vì đặc thù là tái bảo hiểm nên Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

Một nguồn rủi ro tín dụng khác là khi công ty bị hạ xếp hạng tín nhiệm tài chính quốc tế do hoạt động kinh doanh kém. Cho đến nay, PRE luôn nỗ lực để nâng cao định hạng quốc tế đánh giá bởi tổ chức xếp hạng tín nhiệm tài chính A.M. Best. Từ năm 2019 đến 2021, Công ty duy trì xếp hạng tín nhiệm ở mức B++ (tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành đạt mức bbb (Đủ năng lực).

4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

4.1 Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI là tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại.

Việc PRE tăng vốn điều lệ là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của PRE. Tuy nhiên, diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn hiện nay khá phức tạp, giá cổ phiếu biến động liên tục đặc biệt là các cổ phiếu ngành tài chính. Do vậy, nếu đợt chào bán lần này của PRE ra công chúng rơi vào thời điểm không thuận lợi và việc chào bán cổ phiếu diễn ra không theo kế hoạch sẽ ảnh hưởng phần nào đến kế hoạch tăng vốn điều lệ của PRE. Ngoài ra, do đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, điều này sẽ gây ảnh hưởng đến kế hoạch tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh như dự kiến. Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác với mức giá bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ của PRE.

Tính tại thời điểm 03/11/2022, thị giá của cổ phiếu PRE là 17.000 đồng/cổ phiếu. Thị giá này hiện đang thấp hơn giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo phương án này. Do đó, đánh giá tại thời điểm hiện tại, tồn tại rủi ro PRE không chào bán thành công toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm trong đợt chào bán này do mức giá chào bán không hấp dẫn nhà đầu tư. Tổ chức phát hành có thể sẽ cần phân phối lại phần cổ phiếu không chào bán hết theo phương án đã được thông qua.

4.2 Rủi ro của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán

Theo dự kiến thị trường bảo hiểm sẽ còn phát triển mạnh mẽ về trung và dài hạn nên phương án sử dụng vốn của PRE được đánh giá là phù hợp với xu thế thị trường nói chung và của PRE nói riêng. Tuy nhiên, rủi ro của việc sử dụng vốn có thể bắt nguồn từ các dự án, các kênh đầu tư của PRE có thể không thu được hiệu quả như mong đợi do biến động không lường trước hết được của tình hình kinh tế trong nước và ngoài nước.

Để giảm thiểu rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc PRE đã chỉ đạo các Ban cùng nghiên cứu để lượng hóa các rủi ro có khả năng xảy ra, nghiên cứu khâu vị rủi ro nhằm nâng cao tính chính xác của các quyết định đầu tư.

Ngoài ra, công ty có hoạt động đầu tư vào trái phiếu. Do đó, công ty đánh giá tồn tại rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà không thể ngay lập tức bán được trái phiếu khi có nhu cầu tiền mặt, hoặc không bán được trái phiếu ở mức giá kỳ vọng. Để quản lý rủi ro này, PRE thực hiện đầu tư trái phiếu của ngân hàng thương mại và trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán hoặc cam kết mua lại theo các quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhằm đảm bảo tính thanh khoản.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của PRE cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành trước khi phát hành: 72.800.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 31.600.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 104.400.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu của PRE bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà PRE huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong quý I/2023, do đó EPS năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng pha loãng, nhưng EPS năm 2023 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV):

Công thức tính:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 30/09/2022, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI là 12.840 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ giảm.

Giá trị trường của cổ phiếu:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_r * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: Giá cổ phiếu pha loãng.
- ✓ Pt: Giá giao dịch của cổ phiếu ngày trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- ✓ Pr: Giá cổ phiếu phát hành
- ✓ I: Tỷ lệ tăng vốn (tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên số lượng cổ phiếu ban đầu)

Với giá định tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền mua, giá thị trường của cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI sẽ được điều chỉnh theo công thức sau (chỉ tính đối với số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu):

$$P_{pl} = \frac{24.000 + [20.000 * 97/182]}{1 + 97/182} = 22.609 \text{ đồng/cổ phần}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 24.000 đồng/cổ phần (Giá già định ngày chốt danh sách để thực hiện quyền mua);
- ✓ Pr: 20.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành đối với quyền mua cổ phiếu phát hành thêm);
- ✓ I: 97/182 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc thực hiện quyền phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu).

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra đồng thời và chúng cũng không liên hệ trực tiếp với nhau. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của PRE, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

6. Rủi ro về quản trị công ty

Rủi ro xuất phát từ quản trị công ty yếu kém là rủi ro tiềm ẩn, nhưng có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của một doanh nghiệp, gây thiệt hại cho cổ đông như rủi ro về quản trị tài sản và nguồn vốn, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về quy trình và hệ thống... Tuy nhiên, Tổng công ty đã luôn chủ động giảm thiểu tối đa các rủi ro về quản trị công ty thông qua việc tăng cường xây dựng tính hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro, thực hiện nghiêm túc các quy định quản trị công ty, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và kế toán,... Trên thực tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đã đạt được sự tăng trưởng ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra và duy trì ổn định sản xuất kinh doanh.

7. Rủi ro khác

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho phát triển sản phẩm mới và mở rộng thị trường mới.

Rủi ro về bảo mật thông tin: những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, uy tín và chiến lược của Công ty.

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hòa hoãn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Công ty kiểm toán	: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI và thực hiện soát xét BCTC giữa niên độ cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 và kỳ 09 tháng kết thúc ngày 30/09/2022
Bản cáo bạch	: Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI năm 2022
Điều lệ	: Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
Vốn điều lệ	: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty.
Cổ đông	: Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty
Cổ phiếu	: Là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổ chức phát hành

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

PRE/ PVI Re/ Tổng công ty/ Công ty/ Tổ chức phát hành	: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Giám đốc
BH	: Bảo hiểm
BKS	: Ban Kiểm soát
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CMND	: Chứng minh nhân dân
CP	: Cổ phần
CDL	: Cổ đông lớn

DHDCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
HD	: Hợp đồng
HDQT	: Hội đồng quản trị
KDBH	: Kinh doanh bảo hiểm
MBS	: Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TBH	: Tái bảo hiểm
TCKT	: Tài chính kế toán
TCTD	: Tổ chức tín dụng
TGD	: Tổng Giám đốc
Thuế GTGT	: Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP	: Thành phố
TSCĐ	: Tài sản cố định
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VDL	: Vốn điều lệ

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên Công ty:	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI
Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài:	PVI Reinsurance Joint-stock Corporation
Tên Công ty viết tắt:	PVI Re
Trụ sở chính:	Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Mã cổ phiếu:	PRE
Sàn niêm yết:	HNX
Điện thoại:	(024) 3734 2828
Fax:	(024) 3734 2626
Website:	www.pvire.com.vn
Logo Công ty:	



Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018
Vốn điều lệ hiện tại:	728.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tám tỷ đồng</i>)
Ngành nghề kinh doanh:	Tái bảo hiểm

Các nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh:

- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm các nghiệp vụ phi bảo hiểm nhân thọ sau đây:
 - Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại;
 - Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, và đường không;

- Bảo hiểm xe cơ giới;
- Bảo hiểm cháy, nổ;
- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu;
- Bảo hiểm trách nhiệm chung;
- Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính;
- Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh;
- Bảo hiểm nông nghiệp;
- Các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác do Chính phủ quy định.
- ❖ Kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.
- ❖ Đầu tư tài chính theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tuấn Kiên – Chủ tịch HĐQT

Ông Trịnh Anh Tuấn – Tổng giám đốc

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Tháng 7/2011, Tổng công ty Tái bảo hiểm PVI – công ty con của Công ty Cổ phần PVI, trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam được thành lập với sứ mệnh trở thành nhà tái bảo hiểm chuyên nghiệp có thương hiệu quốc tế.
- Tháng 10/2013, việc tăng vốn điều lệ lên 668 tỷ đồng thông qua cổ phần hóa là một mốc quan trọng trong hoạt động kinh doanh, đưa PRE trở thành Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, góp phần nâng mức giữ lại và năng lực nhận tái bảo hiểm của Công ty.
- Tháng 05/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án tăng vốn điều lệ để tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Năm 2018, sau khi hoàn thành đợt tăng vốn, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI nhận được Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính, hoạt động với vốn điều lệ thực góp là 728 tỷ đồng.
- Nối tiếp thành công, năm 2019, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành công ty đại chúng ngày 26/11/2019 và Đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, góp phần đem lại hình ảnh minh bạch hơn trong mắt công chúng.
- Ngày 30/09/2020, cổ phiếu Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PRE. Sau đó, ngày 24/12/2020, cổ phiếu PRE đã chính thức giao dịch trên HNX với mức giá tham chiếu

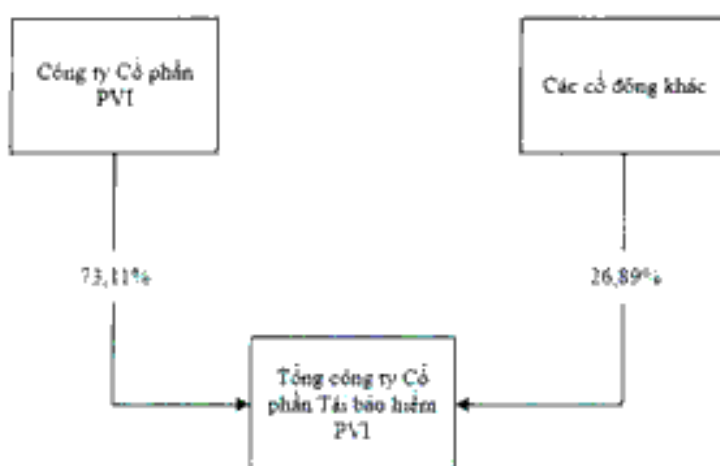
20.000 đồng. Đây là cột mốc quan trọng đánh dấu sự trưởng thành về kinh doanh và quản trị của PRE, mở ra một chặng đường phát triển mới với nhiều cơ hội để tiếp tục nâng cao năng lực tài chính, hoàn thiện mô hình quản trị, tăng cường tính minh bạch dựa trên những giá trị cốt lõi đã được PRE xây dựng và phát triển trong suốt 10 năm có mặt trên thị trường.

❖ **Các danh hiệu mà Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã đạt được**

- Năm 2019, tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế A.M. Best đã nâng hạng năng lực tài chính của PRE ở mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành ở mức bbb (Đủ năng lực).
- Trong kỳ đánh giá 2021 của A.M. Best, PRE tiếp tục duy trì xếp hạng năng lực tài chính đạt mức B++ (Tốt) và xếp hạng năng lực tín dụng của Tổ chức phát hành đạt mức “bbb”. Triển vọng nâng hạng đối với cả hai chỉ tiêu là Ổn định.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của PRE



% Tỷ lệ sở hữu tại PRE

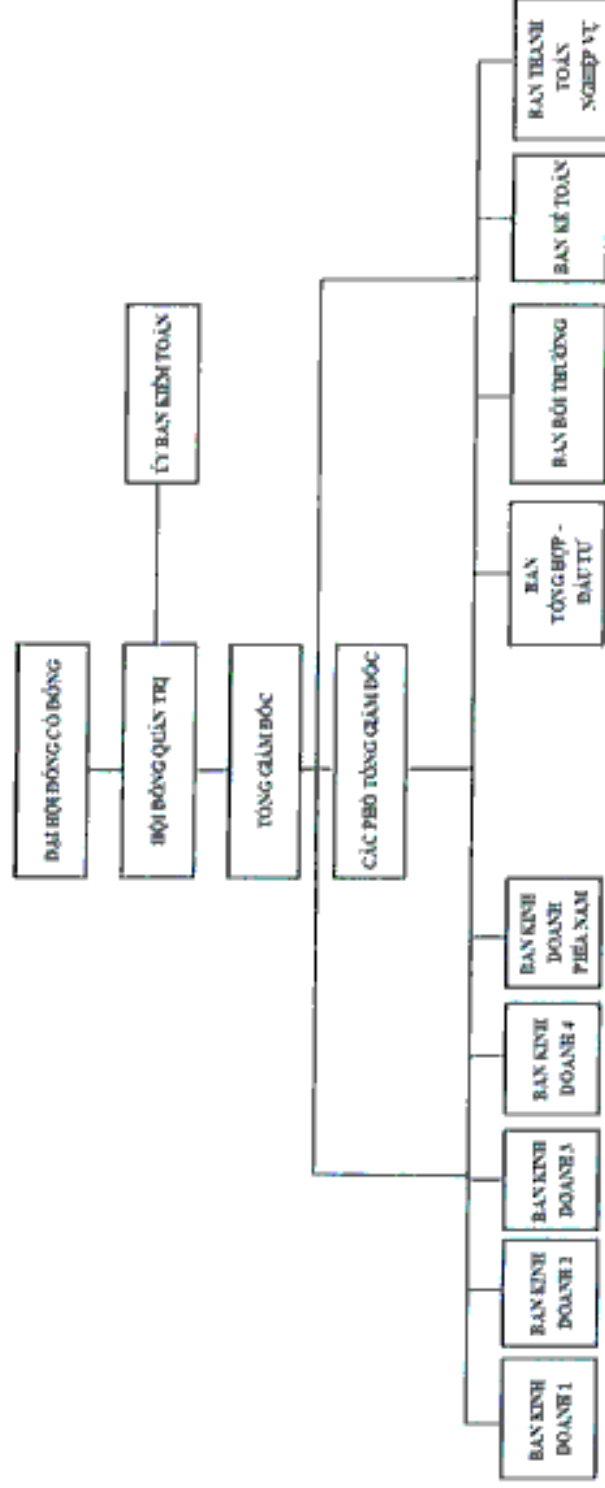
Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI được hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, không có đơn vị hạch toán phụ thuộc. Công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần PVI (gọi tắt là “PVI”), tiền thân là Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Thông tin chi tiết về PVI được trình bày tại phần VI của Bản cáo bạch.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

4.1 Mô hình quản trị

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của PRE



Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý

PRE hoạt động theo Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thông qua, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Tổng Giám đốc Công ty.

4.2.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và theo Điều lệ của Công ty. ĐHĐCD thông qua những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bổ sung và sửa điều lệ, quyết định bộ máy điều hành của Công ty.

4.2.1 Hội đồng quản trị

HDQT do ĐHĐCD bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD.

Quyền và nghĩa vụ của HDQT do Luật pháp và Điều lệ của Công ty quy định. HDQT bao gồm 05 thành viên trong đó cả 05 thành viên đều không điều hành Công ty.

Họ tên	Chức vụ	Điều hành
Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HDQT	Không
Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HDQT	Không
Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HDQT	Không
Trịnh Văn Lượng	Thành viên HDQT	Không
Trần Duy Cường	Thành viên HDQT	Không

4.2.3 Ủy ban Kiểm toán

PRE hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, đối với cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban Kiểm soát, công ty đã thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ủy ban kiểm toán có chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty, giám sát hệ thống báo cáo tài chính, rà soát báo cáo tài chính, công bố thông tin và báo cáo cho HDQT các vấn đề trọng yếu có liên quan.

Hiện tại, Ủy ban kiểm toán có 02 thành viên là ông Trịnh Văn Lượng và ông Trần Duy Cường; trong đó, ông Trịnh Văn Lượng đồng thời là Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và Thành viên độc lập HĐQT của công ty.

4.2.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành của PRE có 05 thành viên. Tổng Giám đốc lãnh đạo điều hành toàn bộ hoạt động của PRE theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ PRE và các quy định pháp luật khác có liên quan trên nguyên tắc đảm bảo doanh nghiệp phát triển hiệu quả và bền vững.

Tổng Giám đốc phân công và ủy quyền điều hành cho các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng các công việc trong từng lĩnh vực.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chủ động chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được phân công và ủy quyền.

Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp, xuyên suốt đến kết quả cuối cùng, ký các văn bản, hồ sơ, quyết định liên quan đến các công việc được phân công và ủy quyền đảm bảo hiệu quả, tuân thủ pháp luật và các quy định của PRE.

Họ tên	Chức vụ
Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc
Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc
Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

4.2.5 Các Ban chức năng

Các Ban trong Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo chức năng chuyên môn, được xây dựng theo cơ cấu tinh giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động kinh doanh theo chỉ đạo của Ban điều hành.

a. Ban Kinh doanh 1:

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời (bao gồm hợp đồng Tùy chọn bắt buộc).
- Nhận tái bảo hiểm cố định với nghiệp vụ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển (trừ các rủi ro từ Lào, Cam-pu-chia và Myanmar).
- Đàm phán, giao dịch và ký kết các hợp đồng nhận tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm chuyên tiếp an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng và chỉnh sửa các Quy định, Quy trình, Hướng dẫn Khai thác (Underwriting Guidelines) liên quan đến các hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm Tạm thời.

b. Ban Kinh doanh 2

- Nhận tái bảo hiểm các Hợp đồng cố định (trừ nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu biển)
 - Đàm phán, giao dịch, ký kết các hợp đồng nhận tái bảo hiểm.
 - Phối hợp với các Ban Kinh doanh khác là đầu mối quản lý khách hàng trong nước để cùng đàm phán, đồng ký kết nhận tái bảo hiểm.
 - Thực hiện tái bảo hiểm chuyên tiếp an toàn, hiệu quả.
 - Phối hợp, đôn đốc với Ban Thanh toán nghiệp vụ và các Ban Kinh doanh khác có liên quan để phát sinh chứng từ và quản lý công nợ.
- Xây dựng và vận hành các chương trình tái bảo hiểm cho PVI Re và toàn PVI (Retro treaty).
- Đầu mối xây dựng và chỉnh sửa các Quy định, Quy trình, Hướng dẫn Khai thác (Underwriting Guidelines) liên quan đến các hoạt động kinh doanh Tái bảo hiểm cố định.

c. Ban Kinh doanh 3:

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với các rủi ro thuộc Nghiệp vụ Kỹ thuật trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Bắc và đối với toàn bộ các rủi ro ngoài lãnh thổ Việt Nam (trừ Campuchia).
- Nghiên cứu, xây dựng và nhận tái bảo hiểm các sản phẩm mới theo phương thức Tái bảo hiểm tạm thời.

d. Ban Kinh doanh 4

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với các rủi ro thuộc Nghiệp vụ Tài sản, Nông nghiệp, Hỗn hợp trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Bắc.

e. Ban Kinh doanh phía Nam

- Nhận tái bảo hiểm tạm thời đối với toàn bộ các rủi ro phát sinh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam với các khách hàng khu vực phía Nam và phạm vi lãnh thổ Campuchia.

- Là đầu mối thực hiện chức năng hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá rủi ro, khảo sát rủi ro, đào tạo nghiệp vụ, tư vấn nghiệp vụ cho khách hàng phía Nam và khách hàng tại thị trường Campuchia.

f. Ban Tổng hợp – Đầu tư

- Công tác chiến lược kế hoạch: Đánh giá và dự báo các yếu tố tổng thể, điều kiện môi trường kinh tế - xã hội, pháp lý, cạnh tranh trong và ngoài nước; Xây dựng chiến lược phát triển của PVI Re; Xây dựng kế hoạch ngắn, trung và dài hạn; Giám sát việc thực hiện kế hoạch, định kỳ theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện kế hoạch; Định kỳ phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính.
- Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong toàn hệ thống PVI Re: Nhận diện các nhóm rủi ro và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống; Rà soát, lập kế hoạch, đơn đốc việc xây dựng và ban hành các quy chế, quy trình, quy định của PVI Re; Thực hiện kiểm soát nội bộ định kỳ và đột xuất đối với các hoạt động của công ty.
- Công tác đầu tư: Đảm bảo thực hiện đầu tư an toàn, hiệu quả, tạo ra lợi nhuận và hoàn thành kế hoạch hoạt động đầu tư; Đề xuất cơ cấu danh mục đầu tư, xây dựng và triển khai phương án đầu tư.
- Công tác quản trị: Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong công tác quản trị doanh nghiệp, tổ chức ĐHQCD, họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản; Thực hiện công bố thông tin theo đúng các quy định của công ty đại chúng và niêm yết; Thực hiện công tác quản lý cổ đông; Triển khai và thực hiện công tác tăng vốn, tìm kiếm cổ đông chiến lược, tái cấu trúc công ty...
- Công tác pháp chế: Cập nhật các quy định mới của Pháp luật để rà soát sửa đổi các quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp; Góp ý về pháp lý đối với các dự thảo văn bản, hợp đồng của Công ty; Đầu mối cung cấp các hồ sơ pháp lý của PVI Re.
- Công tác nhân sự: Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, định biên nhân sự, đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ; Xây dựng thang bảng lương, đầu mối đề xuất xếp và điều chỉnh lương; Xây dựng các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài cho cán bộ; Thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động.
- Công tác truyền thông và phát triển thương hiệu: Xây dựng kế hoạch truyền thông, triển khai các hoạt động quảng bá thương hiệu của PVI Re; công bố và thông báo thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về PVI Re; Thực hiện các ấn phẩm như báo cáo thường niên, bản chào về công ty.

- Xây dựng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin: Xây dựng, quản trị và triển khai hệ thống công nghệ thông tin bao gồm: hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT, hệ thống bảo mật, hệ thống phần mềm quản lý hoạt động kinh doanh của PVI Re; Đầu mối mua sắm, bảo hành, bảo trì, sửa chữa/thuê sửa chữa các thiết bị tin học tại trụ sở PVI Re.
- Quản lý và triển khai công tác văn phòng, quản lý tài sản; cố định, hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ, thư ký.
- Đầu mối về công tác xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.

g. Ban Bồi thường

- Quản lý và giải quyết khiếu nại bảo hiểm, thu đòi bồi thường: xử lý bồi thường, lập dự phòng bồi thường đủ và đúng theo quy định.
- Giải quyết các thắc mắc và yêu cầu của khách hàng liên quan đến khiếu nại bồi thường; phân hồi các rủi ro trong quá trình chuẩn bị và ký kết hợp đồng tái bảo hiểm bao gồm các vấn đề liên quan đến điều kiện điều khoản, thông tin liên quan đến rủi ro trong quá trình giải quyết bồi thường tới cán bộ khác thác và cán bộ kiểm soát nội bộ để khắc phục hoặc điều chỉnh quy trình, quy định kịp thời.
- Thực hiện chức năng Hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá rủi ro và xác định tổn thất tối đa có thể xảy ra (PML) nhằm tối ưu hóa mức giữ lại cho các Ban Kinh doanh.
- Thực hiện công tác giám định rủi ro cho khách hàng.

h. Ban Kế toán

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán và kế hoạch tài chính, lập báo cáo tài chính; tuân thủ các quy định, quy chế về quản lý tài chính, kế toán; Triển khai tính toán Quỹ dự phòng phí, dự phòng dao động lớn theo quy định; Kiểm soát và quản lý các khoản doanh thu, chi phí, tài sản, công nợ và nguồn vốn.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kế hoạch dòng tiền; Tổ chức thực hiện công tác kế toán quản trị, lập báo cáo quản trị; Cân đối nguồn vốn để đầu tư, thẩm định đầu tư; Phân tích thông tin số liệu kế toán tài chính, kế toán quản trị hỗ trợ Ban Lãnh đạo trong công tác điều hành.
- Xây dựng các quy chế, quy trình, quy định liên quan đến công tác quản lý tài chính, kế toán, định mức chi tiêu.

i. Ban Thanh toán nghiệp vụ

- Phát sinh, thanh toán, thu đòi phí và bồi thường nhận, nhượng tái bảo hiểm:
 - Kiểm tra tính chính xác của các chứng từ liên quan đến thanh toán tái bảo hiểm như: bản thanh toán (SOA), bản thống kê phí (Premium Bordereaux) và bản thống kê bồi thường của các hợp đồng nhận – nhượng tái bảo hiểm;

- Cập nhật, xử lý và thống kê số liệu của hợp đồng nhận - nhượng tái bảo hiểm một cách chính xác và đầy đủ trên phần mềm;
 - Phát sinh chứng từ thanh toán chính xác, kịp thời.
- Theo dõi, kiểm soát nợ công nợ với khách hàng:
- Thường xuyên theo dõi, đối chiếu và xử lý công nợ với khách hàng.
 - Đầu mỗi thu đòi các khoản công nợ quá hạn, phối hợp với các Ban Kinh doanh khi cần thiết.

5. Thông tin về công ty mẹ và công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ chức phát hành

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần PVI
Năm thành lập	:	2007
Địa chỉ	:	Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Giấy CN ĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 19 ngày 23/08/2021
Ngành nghề kinh doanh chính	:	+ Hoạt động nắm giữ tài sản + Hoạt động dịch vụ tài chính + Kinh doanh bất động sản
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty mẹ tại Tổ chức phát hành	:	73,11%
Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Tổ chức phát hành tại Công ty mẹ	:	0%

5.2 Công ty con của Tổ chức phát hành

Không có

5.3 Công ty liên kết của Tổ chức phát hành

Không có

5.4 Công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

5.5 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Công ty cổ phần PVI

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI đã có 02 lần tăng vốn. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn của PRE

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước điều chỉnh (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Văn bản chấp thuận
Tháng 7/2011	0	460	-	Góp vốn thành lập doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Giấy phép thành lập và hoạt động số 66GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 20/07/2011
Tháng 10/2013	460	668	208	Tổng công ty chuyển đổi từ hình thức từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, phát hành cổ phiếu và thu tiền mua cổ phiếu của các cổ đông để tăng vốn điều lệ	Bộ Tài chính	Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013
Tháng 10/2016 đến tháng 09/2018	668	728	60	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 6.000.000 cổ phần	Bộ Tài chính	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2016; Công văn số 216/PRE-HĐQT ngày 20/7/2018 báo cáo về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ; Công văn số 239/PRE-HĐQT ngày 20/8/2018 báo cáo bổ sung về việc hoàn thành tăng vốn điều lệ

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ trước điều chỉnh (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Văn bản chấp thuận
						và hồ sơ kèm theo; Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC1/KDBH của Bộ Tài chính cấp ngày 21/9/2018.

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

Chi tiết từng đợt tăng vốn như sau:

➤ Chuyển đổi từ hình thức Công ty TNHH sang Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ trước khi cổ phần hóa: 460.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi cổ phần hóa: 668.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu: 66.800.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ đông: 74 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận: Bộ Tài chính

➤ Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 668.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 728.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành: 6.000.000 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức cổ đông thực hiện quyền mua
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 167:15 (Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 167 quyền mua được mua 15 cổ phiếu phát hành thêm).
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 57 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Cơ quan chấp thuận phát hành cổ phiếu của lần tăng vốn: Bộ Tài chính, ĐHĐCĐ Công ty
- Ý kiến kiểm toán về quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành: Không có ý kiến.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có ý kiến.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 23/06/2022

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	352	72.527.400	99,63
1	Cổ đông tổ chức	3	54.305.427	74,60
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	349	18.221.973	25,03
II	Cổ đông nước ngoài	19	272.600	0,37
1	Cổ đông tổ chức	4	130.700	0,18
	<i>Trong đó, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	15	141.900	0,19
	Tổng cộng	371	72.800.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/06/2022 của Công ty

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật là 100%;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông là 100%;
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành theo Bảng thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được công bố bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 03/11/2022 là: 0,40%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Mô tả các sản phẩm, dịch vụ chính

PRE là nhà cung cấp năng lực tái bảo hiểm tại Việt Nam cho các loại hình hợp đồng tái bảo hiểm cố định số thành, hợp đồng mức đôi, hợp đồng bảo vệ vượt mức bồi thường. Ngoài các chương trình tái bảo hiểm truyền thống, có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm theo phương

thực tái tỷ lệ truyền thống hoặc các chương trình tái phí tỷ lệ phù hợp với năng lực tài chính của từng khách hàng. PRE có kinh nghiệm chuyên sâu thiết kế các chương trình tái bảo hiểm phù hợp với đặc thù khai thác kinh doanh bảo hiểm của từng công ty bảo hiểm.

Chi tiết các sản phẩm nghiệp vụ tái bảo hiểm:



BẢO HIỂM NĂNG LƯỢNG

PRE là nhà tái bảo hiểm duy nhất tại Việt Nam có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm nhanh chóng và linh hoạt cho các chương trình bảo hiểm đối với các hoạt động dầu khí trên bờ và ngoài khơi bao gồm:

- Bảo hiểm không chế giếng khoan
- Bảo hiểm xây dựng lắp đặt ngoài khơi
- Bảo hiểm xả lan, giàn khoan di động
- Bảo hiểm thiết bị giếng khoan
- Bảo hiểm năng lượng trọn gói

BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

PRE cung cấp các loại hình tái bảo hiểm cho toàn bộ các tài sản và hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực hàng không trên cơ sở các giải pháp tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái bảo hiểm cố định. Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro thân, phụ tùng máy bay và trách nhiệm pháp lý
- Bảo hiểm mất khả năng sử dụng máy bay
- Bảo hiểm rủi ro chiến tranh và các rủi ro tương tự



BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Với nhiều chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực hàng hải, PRE có thể mạnh trong việc cung cấp các chương trình tái bảo hiểm cho các đội tàu viễn dương lớn của Việt Nam và các công ty vận tải biển lớn trên thế giới. Chúng tôi hiện

đang cung cấp các dịch vụ tái bảo hiểm tạm thời hoặc tái cố định đối với các loại hình bảo hiểm:

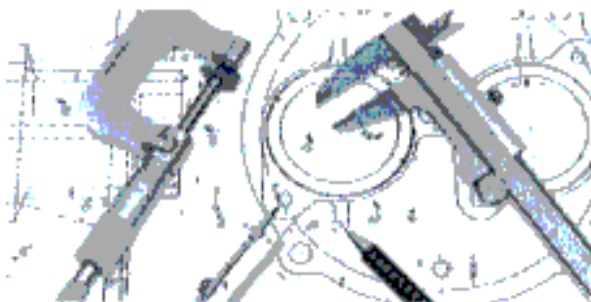
- Bảo hiểm thân tàu, đóng tàu
- Bảo hiểm hàng hóa
- Bảo hiểm P&I

BẢO HIỂM TÀI SẢN

Với đội ngũ kỹ sư đánh giá rủi ro nhiều năm kinh nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực công nghiệp và dân dụng, PRE có khả năng thiết kế các giải pháp, chương trình tái bảo hiểm ưu việt cho từng nhóm rủi ro riêng biệt cho khách hàng của mình, đặc biệt là các nhóm rủi ro thuộc lĩnh vực lọc hóa dầu, nhà máy điện và các nhà máy sản xuất công nghiệp có quy mô lớn và phức tạp.

Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp
- Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc
- Bảo hiểm nhà, khách sạn, siêu thị...
- Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh



BẢO HIỂM KỸ THUẬT

Bằng sự kết hợp linh hoạt và hiệu quả các sản phẩm bảo hiểm Kỹ thuật truyền thống, đội ngũ chuyên gia của PRE cung cấp cho khách hàng các giải pháp tối ưu, sự đa dạng và phong phú khi lựa chọn các dịch vụ và chương trình tái bảo hiểm Tạm thời/Cố định áp dụng cho những công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Các sản phẩm chính:

- Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng và lắp đặt
- Bảo hiểm công trình xây dựng đã hoàn thành.
- Bảo hiểm máy móc thiết bị thi công

- Bảo hiểm thiết bị điện tử

BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM

PRE cung cấp năng lực tái bảo hiểm tạm thời và tái bảo hiểm cố định cho hầu hết các loại hình bảo hiểm trách nhiệm bao gồm:

- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm trách nhiệm bên thứ ba
- Bảo hiểm trách nhiệm công cộng và sản phẩm
- Bảo hiểm trách nhiệm người sử dụng lao động, người lao động
- Bảo hiểm trách nhiệm giải thưởng, D&O...



BẢO HIỂM CƠ GIỚI

PRE là đơn vị đi đầu trong việc cung cấp các giải pháp và năng lực tái bảo hiểm cho thị trường bảo hiểm ô tô tại Việt Nam. Chúng tôi hiện cung cấp các nghiệp vụ tái bảo hiểm tỷ lệ hoặc phi tỷ lệ cho các sản phẩm bảo hiểm:

- Bảo hiểm thân vỏ
- Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe

BẢO HIỂM SỨC KHỎE

PRE cung cấp năng lực tái bảo hiểm cho các sản phẩm bảo hiểm tai nạn và sức khỏe bao gồm:

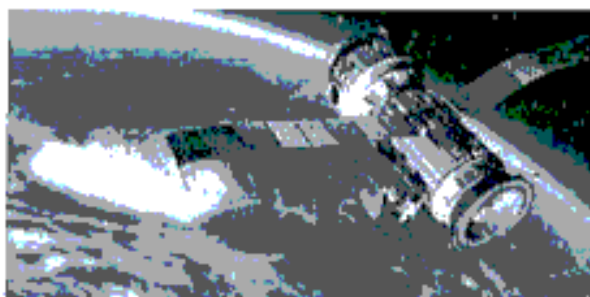
- Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện
- Bảo hiểm tai nạn và thương tật thân thể
- Bảo hiểm khách du lịch trong nước và nước ngoài



BẢO HIỂM CHUYÊN BIỆT

PRE luôn chú trọng tới việc đáp ứng các nhu cầu phát triển sản phẩm mới và chuyên biệt của khách hàng. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, PRE có khả năng đưa ra các giải pháp tái bảo hiểm tối ưu cho các nhóm sản phẩm:

- Bảo hiểm nông nghiệp
- Bảo hiểm toàn diện ngân hàng
- Bảo hiểm các thiết bị điện thoại thông minh
- Bảo hiểm vệ tinh



10.1.2 Giá trị dịch vụ

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty

Nội dung	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm ¹	1.746.755	92,2%	1.871.286	92,36%	1.442.580	95,4%	2.169.806	95,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	147.838	7,8%	154.877	7,64%	69.119	4,6%	101.224	4,5%
Tổng cộng	1.894.593	100,0%	2.026.163	100,0%	1.511.699	100%	2.271.030	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

¹ Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm bao gồm (i) doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, (ii) hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và (iii) doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Trong đó, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm tính trước điều chỉnh cho (i) Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và (ii) Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm).

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

TT	Nghịệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm ²	1.481.693	84,8%	1.630.119	87,1%	1.285.641	89,1%	1.942.842	89,5%
	Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại ³	506.676	29,0%	657.403	35,1%	627.728	43,5%	955.925	44,1%
2	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	251.733	14,4%	222.434	11,9%	141.159	9,8%	204.191	9,4%
3	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	13.329	0,8%	18.733	1,0%	15.779	1,1%	22.773	1,0%
	Tổng cộng	1.746.755	100 %	1.871.286	100 %	1.442.579	100%	2.169.806	100 %

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Trong cơ cấu doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI, doanh thu phí từ hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, thường xuyên chiếm khoảng trên 84% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, quy mô doanh thu năm 2020, 2021, 6 tháng đầu năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 1.481,7 tỷ đồng, 1.630,1 tỷ đồng, 1.285,6 tỷ đồng và 1.942,8 tỷ đồng. Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại có tăng từ

² Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm (tính trước điều chỉnh cho (i) Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và (ii) Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm).

³ Doanh thu phí bảo hiểm giữ lại tương đương Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm trừ đi phí nhượng tái bảo hiểm tương ứng trong cùng kỳ

506,7 tỷ đồng (tương đương 29,0% doanh thu năm 2020) lên 657,4 tỷ đồng (chiếm 35,1% doanh thu năm 2021). Tỷ trọng mảng này đã tăng 6 tháng đầu năm 2022 và 9 tháng đầu năm 2022 đạt 43,5%, 44,1%, tương đương với doanh thu phí bảo hiểm giữ lại đạt 627,7 và 955,9 tỷ đồng.

Đứng thứ hai là doanh thu từ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm, chiếm khoảng 12-14% tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của công ty trong giai đoạn 2020-2021. Tuy nhiên tỷ trọng mảng này giảm xuống còn 9,8% và 9,4% trong giai đoạn 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022.

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu phí nhận tái bảo hiểm 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

TT	Nghệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Bảo hiểm tài sản	514.512	34,7%	617.883	37,9%	413.118	32,1%	595.227	30,6%
2	Bảo hiểm kỹ thuật	255.330	17,2%	254.107	15,6%	190.284	14,8%	300.209	15,5%
3	Bảo hiểm xe cơ giới	118.324	8,0%	198.512	12,2%	213.917	16,6%	312.461	16,1%
4	Bảo hiểm thân tàu và P&I	142.234	9,6%	165.316	10,1%	97.308	7,6%	146.661	7,5%
5	Bảo hiểm cháy nổ	181.210	12,2%	157.741	9,7%	158.440	12,3%	218.254	11,2%
6	Bảo hiểm hàng hóa	113.939	7,7%	126.223	7,7%	96.294	7,5%	144.253	7,4%
7	Bảo hiểm năng lượng	49.303	3,3%	38.571	2,4%	9.449	0,7%	17.773	0,9%
8	Bảo hiểm con người	1.469	0,1%	13.348	0,8%	41.851	3,3%	120.753	6,2%
9	Bảo hiểm hàng không	4.912	0,3%	-971	-0,1%	123	0,0%	77	0,0%
10	Bảo hiểm khác	100.459	6,8%	59.388	3,6%	64.857	5,0%	87.169	4,5%
11	(Tăng) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	-2.175	-0,1%	-59.608	-3,7%	-171.535	-13,3%	-259.112	-13,3%
12	Tổng cộng doanh	1.479.517	99,9%	1.570.511	96,3%	1.114.106	86,7%	1.683.729	86,7%

TT	Nghịệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	thu (sau điều chỉnh (Tăng)/ Giảm dự phòng phí nhận tái bảo hiểm)								
13	Tổng cộng doanh thu (trước điều chỉnh (Tăng)/ Giảm dự phòng phí nhận tái bảo hiểm)	1.481.692	100%	1.630.118	100%	1.285.641	100%	1.942.841	100 %

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Đóng góp tỷ trọng lớn nhất cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm của PRE đến từ các mảng bảo hiểm tài sản (30-38%), bảo hiểm kỹ thuật (15-17%), bảo hiểm cháy nổ (10-12%). Phí từ hoạt động nhận tái bảo hiểm tài sản của PRE đạt lần lượt là 514,5 tỷ, 617,9 tỷ, 413,1 tỷ và 595,2 tỷ trong năm 2020, 2021, 6 tháng và 9 tháng đầu năm 2022. Doanh thu nhận tái bảo hiểm tài sản tăng cả về giá trị và tỷ trọng trong năm 2021 so với 2020 trong khi doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm kỹ thuật giảm nhẹ về giá trị và tỷ trọng tại năm 2021 so với năm 2020 chủ yếu do bảo hiểm tài sản là dịch vụ quan trọng trong bảo hiểm phi nhân thọ PRE tập trung chủ động khai thác dịch vụ này trong kỳ, trong khi bảo hiểm kỹ thuật phụ thuộc vào các dự án khai thác được. Doanh thu và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của tái bảo hiểm kỹ thuật trong 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 190 tỷ và 14,8%. Doanh thu và tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu của tái bảo hiểm kỹ thuật trong 9 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 300,2 tỷ và 15,5%. Doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm cháy nổ giảm về giá trị và tỷ trọng trong năm 2021, tuy nhiên đã tăng trưởng trở lại trong năm 2022, đạt mức 158,4 tỷ đồng, tương đương 12,3% tổng

doanh thu 06 tháng đầu năm 2022 và đạt mức 218,2 tỷ đồng, tương đương 11,2% tổng doanh thu 09 tháng đầu năm 2022.

Doanh thu từ phí nhận tái bảo hiểm xe cơ giới tăng từ 118,3 tỷ (năm 2020) lên 198,5 tỷ (năm 2021) do trong năm 2021, do PRE có nhận một số hợp đồng cố định xe cơ giới mới, có phí phát sinh lớn trong kỳ. Dự phòng nhận tái bảo hiểm theo quy định của Bộ tài chính được ước tính theo phương pháp 50% đối với các đơn ngắn hạn và phương pháp 1/8 với các đơn dài hạn, trong cơ cấu doanh thu PRE chủ yếu là các hợp đồng ngắn hạn nên dự phòng phí có xu hướng biến động theo doanh thu phí nhận ngược.

Theo đánh giá của PRE, trong năm 2021, PRE tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng, không tái tục đối với các dịch vụ không hiệu quả hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cần trọng hơn trong nhận tái bảo hiểm nước ngoài, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước.

10.2 Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020, 31/12/2021, và giá trị theo BCTC soát xét tại 30/06/2022 và 30/09/2022 như sau:

Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	8.592	7.810	781
Phương tiện vận tải	2.452	2.452	-
Thiết bị văn phòng	6.139	5.358	781
Tài sản cố định vô hình	23.908	22.813	1.094
Phần mềm máy tính	23.908	22.813	1.094
Tổng cộng	32.500	30.623	1.875

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán của PRE

Bảng 7: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2021

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	6.300	5.947	353

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải	-	-	-
Thiết bị văn phòng	6.300	5.947	353
Tài sản cố định vô hình	23.908	23.583	325
Phần mềm máy tính	23.908	23.583	325
Tổng cộng	30.208	29.530	678

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán của PRE

Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2022

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	6.391	6.106	285
Thiết bị văn phòng	6.391	6.106	285
Tài sản cố định vô hình	23.908	23.671	237
Phần mềm máy tính	23.908	23.671	237
Tổng cộng	30.299	29.777	522

Nguồn: BCTC soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 của PRE

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 30/09/2022

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	6.390	6.154	236
Thiết bị văn phòng	6.390	6.154	236
Tài sản cố định vô hình	24.747	23.786	961
Phần mềm máy tính	24.747	23.786	961

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tổng cộng	31.137	29.940	1.197

Nguồn: BCTC soát xét cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022 của PRE

10.3 Thị trường hoạt động

PRE tiếp tục bám sát kế hoạch doanh thu phí nhập tái bảo hiểm và các chính sách khai thác nhận/nhượng hiện hành. Cơ cấu, tỷ trọng doanh thu nhận tái bảo hiểm theo nguồn đã được dịch chuyển đúng hướng.

Công tác nhận tái bảo hiểm trong nước tiếp tục tăng trưởng và phát triển, đạt hiệu quả cao. Trong những năm gần đây, PRE đã có những chiến lược tiếp cận một cách thận trọng các dịch vụ từ thị trường nước ngoài, bước đầu đạt được những thành tựu nhất định.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư

Hoạt động đầu tư đóng vai trò rất quan trọng với một doanh nghiệp bảo hiểm. Công ty có một số khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn nhằm mục đích sinh lời như sau:

Bảng 10: Giá gốc các khoản đầu tư tài chính tại cuối kì

Đơn vị: Triệu đồng

Nghịệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	Tại 30/06/2022	Tại 30/09/2022
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.455.962	1.484.998	1.486.311	1.528.484
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.174.959</i>	<i>1.219.628</i>	<i>1.343.729</i>	<i>1.337.902</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	1.174.959	1.098.592	1.222.958	1.236.959
- Ủy thác đầu tư ngắn hạn (ii)	-	121.037	120.770	100.943
<i>Dài hạn</i>	<i>281.003</i>	<i>265.370</i>	<i>142.581</i>	<i>190.581</i>
- Trái phiếu (iii)	100.003	100.003	122.581	122.581
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (iv)	181.000	165.367	20.000	68.000
Đầu tư vào đơn vị khác	308.545	478.545	578.545	578.545
- Quỹ đầu tư cơ hội PVI (v)	204.545	204.545	304.545	304.545
- Quỹ đầu tư hạ tầng PVI (vi)	104.000	274.000	274.000	274.000

Nghệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	Tại 30/06/2022	Tại 30/09/2022
Tổng cộng	1.764.507	1.963.543	2.064.856	2.107.029

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Trong giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022, các khoản đầu tư của Công ty có xu hướng chuyển dịch giảm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các sản phẩm dài hạn và tăng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và đầu tư vào các đơn vị khác. Do trong giai đoạn đầu năm 2020, mặt bằng lãi suất tương đối tốt và ổn định, Tổng công ty tăng đầu tư đầu tư vào các sản phẩm dài hạn. Trong năm 2021, dưới tác động của dịch COVID-19, mặt bằng lãi suất huy động giảm nên Tổng công ty chuyển dịch cơ cấu đầu tư tiền gửi có kỳ hạn dài hạn sang tập trung đầu tư tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

➤ Tại 06 tháng đầu năm 2022, chi tiết các khoản đầu tư như sau:

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công
- (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
- (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội với thời hạn 5 năm 01 ngày, đáo hạn ngày 18 tháng 10 năm 2023.
- (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
- (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (“PIF”), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.

- Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
 - Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Tại 09 tháng đầu năm 2022, chi tiết các khoản đầu tư như sau:
- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, hợp đồng tiền gửi số 44805.21.004.893.2059.TG.DN tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ với số tiền gốc là 75.000.000.000 VND; hợp đồng tiền gửi số 1811/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 136.000.000.000 VND và hợp đồng tiền gửi số 0312/2021TG/TBHPVI-TPB với số tiền gốc là 12.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công.
 - (ii) Phản ánh các khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI vào trái phiếu có bảo lãnh với thời hạn ủy thác 12 tháng.
 - (iii) Phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và tổ chức tín dụng có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
 - (iv) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng TMCP trong nước với kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
 - (v) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (“POF”), chiếm tỷ lệ 15,23% vốn điều lệ của POF.
 - (vi) Phản ánh khoản tiền góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (“PIF”), chiếm tỷ lệ 18,27% vốn điều lệ của PIF.
- (*) Giá trị hợp lý được xác định như sau:
- Đối với các khoản đầu tư trái phiếu dài hạn, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do lãi suất biến động theo lãi suất thị trường.
 - Đối với các khoản góp vốn thành lập POF và PIF, giá trị hợp lý được xác định theo phương pháp giá trị tài sản ròng căn cứ vào các thông tin liên quan mà Tổng Công ty thu thập được tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Đối với các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng TMCP trong nước, giá trị hợp lý được xác định bằng giá trị ghi sổ do (i) thời gian đáo hạn ngắn và/hoặc (ii) không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bảng 11: Tình hình hoạt động đầu tư tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
1	Doanh thu từ hoạt động tài chính	147.838	154.876	4,8%	69.120	16,3%	101.224	15,3%
2	Chi phí hoạt động tài chính	23.347	27.159	16,3%	12.752	8,1%	24.468	54,9%
3	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	124.491	127.717	2,6%	56.638	18,9%	76.756	6,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu hoạt động tài chính	84,2%	82,5%		81,9%		76%	

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Bảng 12: Chi tiết doanh thu từ hoạt động tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

STT	Nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
-----	-----------	----------	----------	-----------------------	-----------------------

		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lãi tiền gửi, trái phiếu	104.597	70,8%	94.539	61,0%	44.793	64,8%	68.306	67,5%
2	Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.247	19,1%	37.041	23,9%	14.318	20,7%	14.318	14,1%
3	Lãi chênh lệch tỷ giá	14.994	10,1%	23.296	15,0%	10.009	14,5%	18.600	18,4%
	Tổng cộng	147.838	100%	154.876	100%	69.120	100%	101.224	100 %

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Bảng 13: Chi tiết chi phí hoạt động tài chính 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

STT	Nghệp vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.855	72,2%	19.044	70,1%	9.817	77,0%	18.231	74,5%
2	Chi phí quản lý hoạt động	5.856	25,1%	7.479	27,5%	1.810	14,2%	3.603	14,7%

STT	Nghiep vụ	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
	đầu tư tài chính								
3	Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư	636	2,7%	636	2,3%	63	0,5%	176	0,7%
4	Chi phí lãi vay	-	-	-	-	1.061	8,3%	2.458	10,0%
	Tổng cộng	23.347	100%	27.159	100%	12.752	100%	24.468	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

➤ Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi và trái phiếu đóng góp lớn nhất cho doanh thu từ hoạt động tài chính, duy trì tỷ trọng trên 60% trong giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022.

Doanh thu từ hoạt động tài chính của công ty năm 2021 đạt 154.876 triệu đồng, tăng 4,8% so với năm 2020. Tuy nhiên, cơ cấu doanh thu biến động với tỷ trọng và giá trị của lãi tiền gửi và trái phiếu giảm từ 70,8%, (tương đương 104,6 tỷ đồng, năm 2020) xuống còn 61% (tương đương mức 94,5 tỷ đồng, năm 2021), nguyên nhân do mặt bằng lãi suất huy động giảm dưới tác động của dịch COVID-19, Tổng công ty có sự chuyển dịch cơ cấu danh mục đầu tư tài chính từ đầu tư tiền gửi sang góp vốn đầu tư vào Quỹ Đầu tư Hạ tầng PVI (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu của doanh nghiệp quản lý, phát triển cơ sở hạ tầng, bất động sản) và Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (đầu tư linh hoạt, bao gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, trái phiếu, hợp tác đầu tư đa lĩnh vực). Doanh thu tăng trong năm 2021 chủ yếu đến từ cổ tức, lợi nhuận được chia (23.296 triệu đồng) và lãi chênh lệch tỷ giá là 37.041 triệu đồng.

Trong giai đoạn 06 tháng đầu năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2022, lãi tiền gửi, trái phiếu và lãi chênh lệch tỷ giá đóng góp lớn nhất cho doanh thu hoạt động tài chính của công ty với giá trị lần lượt là 44,8 và 10,0 tỷ đồng (kỳ 6 tháng 2022) và 68,3 và 18,6 tỷ đồng (kỳ 9 tháng 2022).

➤ Chi phí hoạt động tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính là hai hạng mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động tài chính. Tuy nhiên công ty cũng phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán và được ghi ở doanh thu hoạt động tài chính. Tổng công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa đủ độ thanh khoản. Lãi/lỗ thuần từ chênh lệch tỷ giá những năm qua ở mức thấp, chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng lợi nhuận hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính năm 2021 tăng 16,3% so với năm 2020 do công ty tăng lỗ chênh lệch tỷ giá và tăng chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính.

Trong giai đoạn 09 tháng đầu năm 2022, lỗ chênh lệch tỷ giá, chi phí quản lý hoạt động đầu tư tài chính và chi phí lãi vay chiếm lần lượt 74,5%, 14,7% và 10% tổng chi phí. Trong 09 tháng đầu năm 2022, Công ty phát sinh chi phí lãi vay do trong kỳ công ty có huy động nguồn vốn vay ngắn hạn dưới 6 tháng với lãi suất 4,6%/năm từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn.

➤ Lợi nhuận hoạt động tài chính

Lợi nhuận hoạt động đầu tư tài chính năm 2021 đạt 127,7 tỷ đồng, tăng 2,6% so với năm 2020 và hoàn thành 110% so với kế hoạch đề ra. Kết quả đạt là do hoạt động đầu tư tài chính của Công ty đã có sự chuyển dịch đáng kể cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng tăng hiệu quả vẫn đảm bảo an toàn và tuân thủ quy định. Bên cạnh đó, Công ty đã tích cực thu đòi công nợ nhanh chóng, tối đa hóa hiệu quả dòng tiền, nâng cao hiệu quả đầu tư. Tính đến 09 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động tài chính lần lượt là 101,2 tỷ và 76,7 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng lần lượt là 15,3% và 6,7% so với cùng kỳ năm 2021.

10.4.2 Báo cáo hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

➤ Cơ cấu doanh thu

Xem thêm phân tích doanh thu hoạt động kinh doanh tại Phần 10.1.5, Mục IV của Bản cáo bạch.

➤ Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh

Bảng 14: Chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Chi bồi thường	228.320	31,9%	247.656	31,1%	219.581	37,0%	346.608	36,6%

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	bảo hiểm								
2	Tăng dự phòng dao động lớn	15.200	2,1%	19.722	2,5%	18.832	3,2%	28.678	3,0%
3	Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	381.840	53,4%	414.737	52,1%	308.201	52,0%	483.051	50,9%
4	Chi môi giới nhận tái bảo hiểm	5.299	0,7%	6.437	0,8%	3.124	0,5%	4.583	0,5%
5	Chi khác nhận tái bảo hiểm	9.094	1,3%	16.052	2,0%	12.339	2,1%	17.188	1,8%
6	Chi phí nhân viên	37.867	5,3%	53.014	6,7%	9.200 ⁴	1,6%	18.701 ⁵	3,1%
8	Chi	2.093	0,3%	1.175	0,1%	190	0,0%	321	0,0%

⁴ Chi phí này được tính sau khi lấy chi phí nhân viên ghi nhận 18.579 triệu đồng trừ đi phần hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước là 9.380 triệu đồng do Công ty điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HDQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

⁵ Chi phí này được tính sau khi lấy chi phí nhân viên ghi nhận 29.123 triệu đồng trừ đi phần hoàn nhập chi phí nhân viên năm trước là 10.423 triệu đồng do Công ty điều chỉnh giảm quỹ lương bổ sung năm 2021 về số tiền 13,35 tỷ VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI số 01/BB-HDQT ngày 31 tháng 3 năm 2022. Trong đó, số tiền hoàn nhập chi phí Lương nhân viên kinh doanh, chi phí Lương nhân viên quản lý là 9,3 tỷ VND và chi phí tài chính là 1 tỷ VND.

STT	Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	phí khấu hao TSCĐ								
9	Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.188	1,1%	8.131	1,0%	3.783	0,6%	7.231	0,8%
10	(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(1.117)	-0,2%	(744)	-0,1%	(446)	-0,1%	1.640	0,2%
11	Chi phí khác	28.808	4,0%	30.312	3,8%	18.261	3,1%	29.808	3,1%
	Tổng cộng	715.592	100%	796.492	100%	593.065	100%	937.811	100,0%

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Chi hoa hồng bảo hiểm, chi bồi thường bảo hiểm và chi phí nhân viên chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động, kinh doanh theo yếu tố của công ty. Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm chiếm trên 50% trong tổng cơ cấu chi phí giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022. Tỷ trọng Chi bồi thường bảo hiểm trên tổng chi phí duy trì ở mức 31-32% trong năm 2020-2021, tuy nhiên tăng lên mức mức 37% (06 tháng đầu năm 2022) và 36,6% (09 tháng đầu năm 2022) chủ yếu do tăng bồi thường bảo hiểm tài sản, bảo hiểm xe cơ giới và bảo hiểm cháy nổ.

➤ **Cơ cấu lợi nhuận**

Bảng 15: Cơ cấu lợi nhuận giai đoạn 2020 - 09 tháng đầu năm 2022

STT	Nghịệp vụ	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với năm 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
1	Lợi	91.373	93.563	2,4%	57.545	24,7%	62.809	24,7%

STT	Nghịệp vụ	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
		Giá trị (triệu đồng)	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với năm 2020	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021	Giá trị (triệu đồng)	% Tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021
	nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm							
	- Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	11,8%	11,0%	-	9,0%	-	6,4%	-
2	Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	124.491	127.717	2,6%	56.368	18,3%	76.756	6,7%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	181.627	182.207	0,3%	104.532	29,1%	120.692	6,1%
4	Lợi nhuận/lỗ khác	(6)	393	-	-	-	-	
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	181.622	182.599	0,5%	104.532	29,1%	120.692	6,1%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	146.759	145.781	-0,7%	84.406	30,9%	98.209	8,2%

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Cơ cấu đóng góp lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động tài chính tương đối ổn định trong năm 2020, 2021 với tổng tỷ trọng luôn trên 90%. Trong 06 tháng đầu năm 2022, mức đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 57,5 tỷ, tương đương 50,5% tổng lợi nhuận gộp. Tính trong 09 tháng đầu năm 2022, mức đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm là 62,8 tỷ, tương đương 45% tổng lợi nhuận gộp.

Năm 2021, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận kế toán trước thuế tăng nhẹ so với năm 2020 mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 13,8% so với cùng kỳ. Năm 2021, PRE đã hoàn thành kế hoạch với lợi nhuận trước thuế đạt 182,6 tỷ đồng, hoàn thành 107% kế hoạch – đây là mức lợi nhuận cao nhất Công ty đạt được kể từ khi thành lập với lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm và hoạt động đầu tư tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Tại 06 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận lợi nhuận thuần tăng 29,1% và lợi nhuận sau thuế tăng 30,9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt lần lượt là 104,5 tỷ đồng và 84,4 tỷ đồng. Tại 09 tháng đầu năm 2022, công ty ghi nhận lợi nhuận thuần tăng 6,1% và lợi nhuận sau thuế tăng 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt lần lượt là 120,7 tỷ đồng và 98,2 tỷ đồng. Lợi nhuận tăng trong giai đoạn 06 và 09 tháng đầu năm 2022 do chủ yếu ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính tăng, đồng thời công ty giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

10.5 Các hợp đồng lớn

Bảng 16: Một số hợp đồng đã và đang thực hiện trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/ đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CBL
Năm 2020									
I	030/FIRE/FAC/F00012/1/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy lọc dầu Dung Quất	26/11/2020	26/11/2020-25/11/2021	20,5 tỷ VND	Không	Đã thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CĐL
2	007/FIRE/FAC/F00369 1/19	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	31/10/2019	01/11/2019- 31/10/2020	10,2 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	- Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	007/FIRE/FAC/F00367 6/19	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	24/04/2019	24/04/2019- 23/04/2020	23,2 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
4	007/FIRE/FAC/F00351 0/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	01/06/2020	01/06/2020- 01/06/2021	16,5 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
5	032/MISC/QTS/T0000 01/20	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện PTI	Dịch vụ TBH rủi ro chương trình bảo an tin dụng	01/01/2020	01/01/2020- 01/01/2021	45,5 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	Không có
Năm 2021									
I	030/FIRE/FAC/F00010 5/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy lọc dầu Dung Quất	26/11/2021	26/11/2021- 25/11/2022	18 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CBDL
2	007/FIRE/FAC/F003701/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	01/12/2020	01/12/2020-01/12/2021	18,3 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	007/FIRE/FAC/F003607/20	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	23/09/2020	23/09/2020-23/09/2021	10,8 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	
4	032/MISC/QTS/T000001/21	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện PTI	Dịch vụ TBH rủi ro chương trình bảo an tín dụng	01/01/2021	01/01/2021-31/12/2021	48,3 tỷ VNĐ	Không	Đã thực hiện	Không có
5	122/VEHC/QTS/T000001/21	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành	Chương trình tái bảo hiểm số thành nghiệp vụ xe cơ giới	01/01/2021	01/01/2021-31/12/2021	30 tỷ	Không	Đã thực hiện	Không có
Năm 2022 (T1/2022-nay)									

TT	Hợp đồng	Tên đối tác	Tên sản phẩm dịch vụ (đầu ra/ đầu vào)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tổng giá trị hợp đồng	Điều khoản đặc biệt	Đã/ đang thực hiện	Mối quan hệ với HĐQT, UBKT, BGD, CDL
1	017/FIRE/FAC/F000121/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Phú Mỹ	31/12/2021	31/12/2021-31/12/2022	18,3 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	007/FIRE/FAC/F003594/21	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Đạm Cà Mau	23/10/2021	23/10/2021-23/10/2022	12 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	
3	007/ENGN/FAC/F003434/22	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Dịch vụ TBH rủi ro tài sản nhà máy Nhiệt Điện Nhơn Trạch 3,4	15/05/2022	15/05/2022-14/05/2025	15,7	Không	Đang thực hiện	
4	011/CARG/QTS/T000001/22	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Dịch vụ TBH hợp đồng cố định rủi ro hàng hóa vận chuyển nội địa và xuất nhập khẩu	01/01/2022	01/01/2022-31/12/2022	8 tỷ VNĐ	Không	Đang thực hiện	Không có

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1 Các khách hàng lớn

Bảng 17: Các khách hàng lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BGD, CĐL
Năm 2020					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	62,22%	Phí nhận tái bảo hiểm	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hiểm PVI là công ty con của Công ty cổ phần PVI (cổ đông lớn của PRE) - Ông Phùng Tuấn Kiên (Chủ tịch Hội đồng quản trị của PRE) là Thành viên Hội đồng thành viên của Bảo hiểm PVI - Ông Trịnh Văn Lượng (Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của PRE) là Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ của Bảo hiểm PVI - Ông Trần Duy Cường (Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán của PRE) là Kiểm soát viên của Bảo hiểm PVI
2	Tổng công ty Cổ phần	Khách	6,20%	Phí	Không có

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HDQT, BKS, BGD, CDL
	Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	hàng lâu năm- từ năm 2012		nhận tái bảo hiểm	
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	5,09%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,49%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
5	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	2,48%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
Năm 2021					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	60,66%	Phí nhận tái bảo hiểm	Xem mục bên trên về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	5,16%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,49%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Công ty Cổ phần Bảo	Khách	3,14%	Phí	Không có

STT	Tên khách hàng	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/tổng doanh thu (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BGD, CDL
	hiểm Bưu điện (PTI)	hàng lâu năm- từ năm 2012		nhận tái bảo hiểm	
5	Lane Xang Assurance Public Company (LAP)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2017	2,90%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
Năm 2022 (T1/2022-nay)					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Khách hàng lâu năm- từ năm 2011	63,37%	Phí nhận tái bảo hiểm	Xem mục bên trên về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,13%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
3	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội - MIC	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	4,09%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,75%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có
5	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Khách hàng lâu năm- từ năm 2012	3,27%	Phí nhận tái bảo hiểm	Không có

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

10.6.2 Nhà cung cấp lớn

Bảng 18: Các nhà cung cấp lớn đã và đang hợp tác trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay

STT	Tên nhà cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BTGD, CĐL
Năm 2020					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	16,30%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	15,55%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2012	7,84%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
Năm 2021					
1	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	19,33%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
2	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	18,74%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2012	8,97%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
Năm 2022 (T1/2022-nay)					
1	Willis Re Labuan Limited	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2015	18,53%	Nhượng tái bảo hiểm	Không có
2	Tổng công ty bảo hiểm PVI	Nhà cung cấp lâu năm- từ năm 2011	13,82%	Nhượng tái bảo hiểm	Xem thông tin tại Bảng 16, mục 10.6.1 Phần IV - Các khách hàng lớn về mối quan hệ của Tổng công ty bảo hiểm PVI
3	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm	Nhà cung cấp lâu năm- từ	8,10%	Nhượng tái bảo	Không có

STT	Tên nhà cung cấp	Thời gian giao dịch	Giá trị giao dịch/Doanh số mua hàng (%)	Sản phẩm dịch vụ	Mối quan hệ với thành viên HĐQT, BKS, BTGD, CĐL
	Petrolimex (PJICO)	năm 2012		hiểm	

Nguồn: Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI

10.7 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Về cơ cấu thị trường, theo niên giám thị trường bảo hiểm Việt Nam ban hành bởi Cục quản lý giám sát bảo hiểm thuộc Bộ Tài Chính, toàn thị trường có 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm. Các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ khác có hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm nhưng tỷ trọng trên tổng doanh thu không lớn. Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm, phí nhượng tái bảo hiểm và hoa hồng từ nhượng tái bảo hiểm của một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021 được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

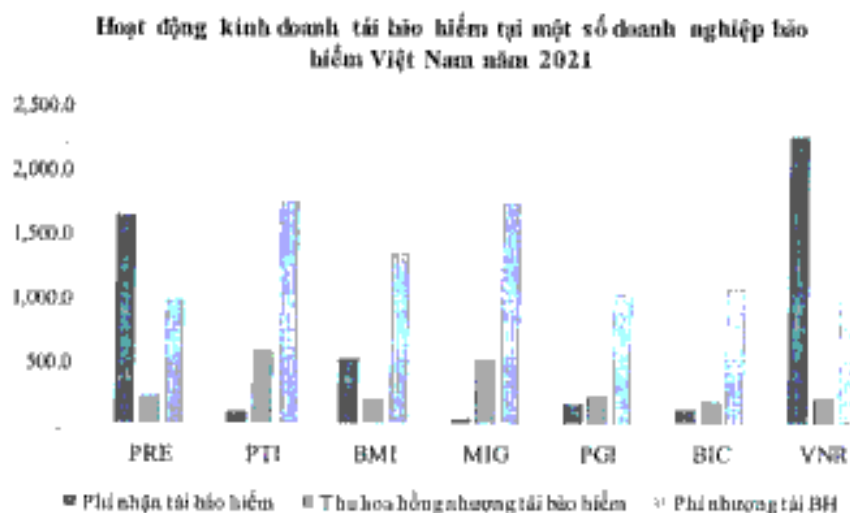
Bảng 19: Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm tại một số doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam năm 2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Mã chứng khoán	Tên Công ty	Phí nhận tái bảo hiểm	Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	Phí nhượng tái bảo hiểm
PRE	CTCP Tái bảo hiểm PVI	1.630,1	222,4	972,7
PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	108,7	586,4	1.733,6
BMJ	Tổng CTCP Bảo Minh	524,4	192,0	1.350,5
MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	38,0	498,4	1.724,0
PGI	Tổng CTCP Bảo hiểm Petrolimex	161,3	233,2	1.020,9
BIC	Tổng CTCP Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	116,3	179,2	1.062,6
VNR	Tổng CTCP Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	2.246,2	205,1	973,4

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng các công ty: PRE, BMI, MIG, PGI năm 2021

BCTC kiểm toán hợp nhất các công ty: BVH, BIC, VNR



Như vậy, trên thị trường Tái bảo hiểm Việt Nam (tính theo số liệu đến 2021), PRE là một trong hai doanh nghiệp có thị phần lớn nhất, trong số các doanh nghiệp nội địa. Về khả năng cạnh tranh, PRE luôn song hành cùng các khách hàng với các giải pháp, các chương trình tái bảo hiểm cố định được thiết kế cho hầu hết các nghiệp vụ bảo hiểm như: Bảo hiểm Năng lượng, Bảo hiểm Tài sản – Kỹ thuật, Bảo hiểm Hàng hải, Bảo hiểm Xe cơ giới và các nghiệp vụ Bảo hiểm chuyên biệt khác. Đồng thời, PRE cũng là nhà cung cấp năng lực tái bảo hiểm lớn tại Việt Nam cho các loại hình hợp đồng tái bảo hiểm cố định số thành, hợp đồng mức đôi, hợp đồng bảo vệ vượt mức bồi thường. Ngoài các chương trình tái bảo hiểm truyền thống, PRE còn thiết kế các chương trình tái bảo hiểm phù hợp với đặc thù khai thác kinh doanh bảo hiểm của từng công ty bảo hiểm.

Về chương trình tái bảo hiểm tạm thời, bằng sự thấu hiểu sâu sắc nhu cầu thị trường trong nước và kinh nghiệm thực tiễn với thị trường quốc tế, PRE luôn đặt trọng tâm mang lại những giá trị khác biệt cho khách hàng của mình bằng các giải pháp được thiết kế linh hoạt từng loại sản phẩm mang tính đặc thù cao về phạm vi bảo hiểm hay mức phí theo yêu cầu. Đội ngũ chuyên gia của PRE chủ động tham gia tư vấn kỹ thuật, song hành cùng các khách hàng ngay từ giai đoạn chuẩn bị khai thác, đánh giá rủi ro đến khi cấp đơn bảo hiểm và hoàn thành thu xếp tái bảo hiểm. PRE hiện là công ty có năng lực tái bảo hiểm lớn, có khả năng cung cấp các giải pháp tái bảo hiểm theo phương thức tái tỷ lệ truyền thống hoặc các chương trình tái phi tỷ lệ phù hợp với năng lực tài chính của từng khách hàng.

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2021, thế giới đã chứng kiến thiệt hại lớn về nhiều mặt do tác động của thiên tai, dịch bệnh, tình hình chính trị bất ổn ở nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó phải kể đến những hậu

quả nghiêm trọng do đại dịch Covid-19 gây ra và đã lấy đi tính mạng của hàng triệu người ở khắp các quốc gia, ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế toàn cầu, trong đó ngành bảo hiểm cũng không tránh khỏi những hệ lụy khi phí bồi thường của các công ty trên thế giới đạt mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tuy vậy, những khó khăn và thách thức này dường như cũng mang đến những cơ hội cho ngành bảo hiểm khi mà các công ty bảo hiểm liên tiếp có những chính sách hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng và bản thân khách hàng hiện nay cũng nhận thức rõ hơn về lợi ích của các dịch vụ bảo hiểm và nhu cầu lập kế hoạch tài chính của họ cũng cao hơn.

Về ngành bảo hiểm nói chung: theo ước tính của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, tổng doanh thu phí toàn thị trường năm 2021 ước đạt 217.338 tỷ VND, tăng trưởng 16,71% so với 2020. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 57.880 tỷ VND, tăng 3,98% so với 2020, doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 159.458 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2020. Dịch bệnh đã tác động và mang lại cơ hội thay đổi, đổi mới với các công ty bảo hiểm nhân thọ trên toàn thế giới trong bối cảnh mới. Các hãng bảo hiểm nỗ lực cung cấp nhiều giải pháp bảo vệ khách hàng, giúp họ chiến đấu trong trận chiến Covid-19. Quy trình mua bảo hiểm cũng dễ dàng và liền mạch hơn. Bên cạnh đó, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, phát triển thị trường và nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm; công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện đúng quy trình;... cũng được các cấp có thẩm quyền đặc biệt quan tâm.

Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam 6 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 118.252 tỷ đồng, tăng trưởng 15,2% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 33.785 tỷ đồng, tăng trưởng 14,1% so với cùng kỳ 2021; doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 84.467 tỷ đồng, tăng trưởng 15,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết quả khá quan này cho thấy thị trường bảo hiểm Việt Nam trong nửa đầu năm 2022 đã vượt qua được những khó khăn, thách thức của bối cảnh thế giới và trong nước, dù tình hình đại dịch COVID-19 vẫn còn nhiều chuyển biến khó lường. Hơn nữa, kết quả trên còn cho thấy, thị trường bảo hiểm còn nhiều dư địa phát triển ổn định, bền vững trong thời gian tới.

Trong tương lai, ngành bảo hiểm được kỳ vọng tăng trưởng nhờ các động lực sau:

- Nhu cầu sử dụng dịch vụ bảo hiểm tăng do nhận thức về sản phẩm bảo hiểm được nâng cao và mức thu nhập trung bình của người dân ngày càng được cải thiện: Theo dự đoán của hãng nghiên cứu Business Monitor International (BMI) thì mức tăng trưởng bình quân của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam trong 5 năm tới là 18%/năm.
- Cạnh tranh trong ngành sẽ gia tăng, thúc đẩy sự nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, mang tính khác biệt cao, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm thu hút khách hàng: số lượng các công ty bảo hiểm trong nước và quốc tế được thành lập nhiều hơn và cùng hướng đến

khai thác thị trường Việt Nam. Đầu năm 2022, theo Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm có 77 doanh nghiệp đang hoạt động gồm 31 công ty bảo hiểm phi nhân thọ, 19 công ty bảo hiểm nhân thọ, 2 công ty tái bảo hiểm, 24 công ty môi giới bảo hiểm và 1 chi nhánh công ty bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

- Xu hướng khách hàng sẽ có bước chuyển dịch cơ bản theo hướng tăng dần tỷ trọng doanh thu vào đối tượng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân, phù hợp với định hướng phát triển bảo hiểm vi mô của Chính phủ: Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao hơn của ngành Bảo hiểm. Do vậy, cùng với sự tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân - khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, ngành bảo hiểm trong 5 năm tới sẽ đẩy mạnh việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khối khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng cá nhân.
- Cải thiện khung pháp lý và tiềm năng gia tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài: Một phần quy định phức tạp liên quan tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty bảo hiểm ở Việt Nam gần đây đã được gỡ rối. Ở một số thời điểm, các nhà đầu tư nước ngoài đã mong muốn tăng cổ phần sở hữu trong các công ty bảo hiểm niêm yết ở Việt Nam tuy nhiên lại vướng mắc xung quanh việc tỷ lệ sở hữu nước ngoài có thể cao hơn 50% hay không. Gần đây Bộ Kế Hoạch và Đầu tư đã làm rõ vấn đề và xác nhận rằng từ 31/08/2021 không có giới hạn trong việc sở hữu nước ngoài tại các doanh nghiệp bảo hiểm tại Việt Nam. Những thay đổi trong Luật Kinh doanh bảo hiểm đang được thực hiện. Trong các dự thảo mới, đáng lưu ý là việc chuyển sang chế độ quản lý theo rủi ro. Chế độ quản lý theo rủi ro và minh bạch hơn sẽ hướng ngành bảo hiểm Việt Nam đi đúng hướng và cải thiện chất lượng quản lý rủi ro của doanh nghiệp.

Về phân ngành tái bảo hiểm:

Tổng số phí bảo hiểm thu xếp qua môi giới bảo hiểm năm 2021 là 13.011 tỷ đồng, (tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước), trong đó phí bảo hiểm thu xếp gốc đạt khoảng 6.790 tỷ đồng (tăng 13,1% so với cùng kỳ), phí tái bảo hiểm thu xếp đạt 5.200 tỷ đồng (tăng 26,8% so với cùng kỳ).

Xu hướng phát triển của hoạt động tái bảo hiểm là phân tán rủi ro với các nghiệp vụ phi nhân thọ có rủi ro lớn như bảo hiểm hàng không, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh, bảo hiểm cháy nổ... Cùng với sự phát triển của nền kinh tế và sự ra đời của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp SME, nhu cầu cho hoạt động tái bảo hiểm được kỳ vọng sẽ đồng pha với sự tăng trưởng của tổng mức phí bảo hiểm.

Luật Kinh doanh bảo hiểm mới có hiệu lực từ đầu năm 2023 bổ sung quy định về việc thành lập chi nhánh doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam sẽ thu hút thêm các công ty tái bảo hiểm nước ngoài gia nhập, làm tăng cạnh tranh, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp bảo hiểm/tái bảo

hiểm phải đổi mới sản phẩm, tăng cường quản trị rủi ro để phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Luật kinh doanh bảo hiểm mới cũng được điều chỉnh theo hướng tiệm cận với thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ nhằm phù hợp hơn với tính chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm. Luật mới cũng bổ sung các quy định về hợp đồng bảo hiểm, tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin của các chủ thể tham gia giao kết hợp đồng bảo hiểm, quy định về tỷ lệ an toàn tài chính, đầu tư tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, đi kèm với công bố thông tin công khai, thường xuyên, bất thường để tăng tính minh bạch của thị trường.

Ngoài ra, theo Nghị định 23/2018/NĐ-CP quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có cơ sở nguy hiểm về cháy nổ phải mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc tại các cơ quan bảo hiểm. Điều này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp bảo hiểm cải thiện phí bảo hiểm mảng bán buôn và mảng tái bảo hiểm.

Trước những thay đổi của chính sách, PRE đã tìm kiếm những giải pháp mới, không chỉ về kinh doanh mà còn về quản trị, nhân sự, công nghệ để đảm bảo khả năng phục vụ. Công ty luôn phân tích, chọn lọc kỹ lưỡng các rủi ro bảo hiểm, tránh khai thác tràn lan để đảm bảo tính an toàn cho hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, PRE luôn tìm kiếm những sản phẩm tái bảo hiểm mới, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng lao động, thực hiện chuyển đổi số trong nghiệp vụ tái bảo hiểm, kế toán, quản trị doanh nghiệp.

Với tầm nhìn xa trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị, Công ty xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với định hướng của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của toàn thế giới.

10.8 Hoạt động marketing

Trong thời gian qua, PRE đã triển khai nhiều hoạt động marketing, hoạt động truyền thông để quảng bá thương hiệu cũng như sản phẩm dịch vụ của Công ty đến đối tác, khách hàng, cụ thể như sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị khách hàng, chương trình hội thảo giao lưu khách hàng trong nước.
- Tổ chức thành công chương trình đào tạo kiến thức cơ bản cho nhân viên các công ty thị trường trong nước. Được khách hàng đánh giá cao về chất lượng chuyên môn và sự chuyên nghiệp trong khâu tổ chức.

- Tổ chức các chuyến công tác, tăng cường mở rộng quan hệ với các đối tác tại thị trường Singapore, Lào, Campuchia, Myanmar, Thái Lan. Xây dựng, tham gia mới nhiều chương trình tái bảo hiểm cho thị trường Lào, Cam và Myanmar, xây dựng ảnh hưởng của PRE tại những thị trường này.
- Tổ chức triển khai dịch vụ tư vấn, giám định rủi ro chuyên nghiệp, chất lượng cao, hỗ trợ tích cực cho khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài trong công tác kinh doanh

10.9 Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Tập trung phát triển các sản phẩm mới, phi truyền thống trên cơ sở phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước
- Tìm kiếm cơ hội, mở rộng thị trường mới tiềm năng
- Các chương trình Tái bảo hiểm được xem xét hàng năm đối với từng nghiệp vụ trên cơ sở đánh giá rủi ro, tiềm năng phát triển trong tương lai và kết quả thực hiện trong các năm quá khứ, dự kiến/đánh giá rủi ro/nguồn lực/ khả năng giữ lại và mục tiêu đặt ra của năm kế hoạch.

10.10 Chiến lược kinh doanh

- Công ty sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh theo sát diễn biến thị trường nhằm mục tiêu tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh để tăng trưởng lợi nhuận. Các mục tiêu phát triển bền vững công ty hướng tới bao gồm:
 - Tâm nhìn: Trở thành nhà Tái bảo hiểm số 1 Việt Nam và có thương hiệu trên thị trường quốc tế.
 - Sứ mệnh:
 - o Cung cấp năng lực tái bảo hiểm an toàn, cạnh tranh
 - o Tích lũy dòng tiền, đầu tư hiệu quả
 - Giá trị cốt lõi:
 - o Chuyên nghiệp
 - o Tôn trọng cam kết
 - o Tuân thủ và minh bạch
 - Quan điểm phát triển: Phát triển hiệu quả, bền vững, mang lại lợi ích cho người lao động, khách hàng và các cổ đông.
- Thời gian thực hiện, nguồn vốn và nguồn lực dự kiến để thực hiện hóa chiến lược kinh doanh sẽ được đề ra theo từng giai đoạn. Theo Tờ trình Về việc điều chỉnh nội dung phương án tăng vốn điều lệ của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI (PVI Re) đã được thông qua tại Điều 7 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 02/2021/NQ-ĐHDCĐ ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Điều 3 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2021/NQ-

ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022 kèm Biên bản họp số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, một số mục tiêu kế hoạch kinh doanh 5 năm tới như sau:

Kế hoạch kinh doanh 5 năm giai đoạn 2022-2026 nếu tăng vốn thành công được xây dựng chi tiết dựa trên giả định cơ bản về thời gian hoàn thành tăng vốn vào cuối năm 2022, trước ngày 01/01/2023, nếu không PRE sẽ xây dựng lại kế hoạch 5 năm 2022-2026.

a. Hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm:

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm kế hoạch cả giai đoạn đạt 12.140 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm đạt 15%.

Đơn vị: tỷ đồng

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	1.740	2.200	2.435	2.722	3.043
Phí giữ lại	709	858	974	1.102	1.248

- Phí nhận tái bảo hiểm duy trì mức tăng trưởng cao và tương đối ổn định qua các năm.
- Phí giữ lại kế hoạch cả giai đoạn đạt 4.891 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng bình quân 5 năm là 15%, với tỷ lệ giữ lại bình quân 5 năm đạt khoảng 40%.

b. Hoạt động đầu tư tài chính:

Sau tăng vốn thành công, vốn đầu tư tài chính của công ty được tăng thêm đáng kể. Các phương án đầu tư được tính toán, phát triển theo hướng linh hoạt, hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn và tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

Giả định về cơ cấu đầu tư tương ứng với quy mô vốn và tỷ suất lợi nhuận như sau:

Quy mô vốn đầu tư năm (tỷ đồng)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	Loại hình Đầu tư	1.968	2.510	2.701	2.980
Tiền gửi	60%	60%	61%	62%	63%
Đầu tư dài hạn khác	12%	17%	18%	19%	20%
Đầu tư vào các quỹ	28%	23%	21%	19%	17%
Tổng	100%	100%	100%	100%	100%
Lợi nhuận đầu tư tài chính (tỷ đồng)	120	160	186	209	242
Tỷ suất lợi nhuận bình quân	6,1%	6,4%	6,9%	7,0%	7,3%

12. Chính sách cổ tức

- Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua cho năm tiếp theo.
- Nguồn để trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.
- Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Nội dung	Năm 2020	Năm 2021
Cổ tức bằng tiền	16%	16%

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Công ty không có đợt chào bán tăng vốn nào được thực hiện từ năm 2020 đến nay.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có nghĩa vụ tiềm ẩn tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

c. Kế hoạch chi trả cổ tức:

Kế hoạch chi trả cổ tức giai đoạn 5 năm 2022-2026 trong điều kiện công ty tăng vốn thành công như sau:

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tỷ lệ chi trả cổ tức	14%	14%	16%	16%	16%

Tỷ lệ chi trả cổ tức đạt 14-16%/năm là mức tương đối cao so với các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường. Điều này sẽ giúp cổ phiếu của PRE trở nên hấp dẫn và thu hút đối với các nhà đầu tư lớn tiềm năng.

10.11 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện là tái bảo hiểm và đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

11. Chính sách với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Tổng công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Tổng công ty nên PRE luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 42 người.
- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2021 là 42 người.
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 30/06/2022 là: 41 người.
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty tại thời điểm 30/09/2022 là: 39 người

Bảng 20: Cơ cấu nhân sự của PRE tại thời điểm 31/12/2020 đến 30/09/2022

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm			
		31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
I	Phân theo giới tính				
1	Nam	17	18	17	16
2	Nữ	25	24	24	23
II	Phân theo trình độ học vấn				
1	Trình độ trên Đại học	16	16	16	15
2	Trình độ Đại học	26	26	25	24

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021		06 tháng đầu năm 2022		09 tháng đầu năm 2022	
	Giá trị	Giá trị	% tăng/ giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/ giảm so với cùng kỳ năm trước	Giá trị	% tăng/ giảm so với cùng kỳ năm trước
sau thuế							
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức ⁸	84%	86%	-	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	16%	16%	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán, BCTC Quý II và Quý III năm 2022 được soát xét của PRE

- Các chỉ tiêu để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động:

Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
Tỷ lệ tổn thất (Loss ratio)	46,74%	42,54%	47,68%	48,26%
Tỷ lệ chi phí hoạt động (Expense ratio)	42,29%	48,79%	42,69%	46,08%
Tỷ lệ kết hợp (Combined ratio)	89,03%	91,33%	90,37%	94,35%

Tỷ lệ kết hợp của PRE từ năm 2020 đến 6 tháng đầu năm 2022 ở mức 89-91% và 9 tháng đầu năm 2022 là 94,35%. Đây là mức đánh giá công tác khai thác bảo hiểm tương đối tốt, đem lại lợi nhuận về nghiệp vụ bảo hiểm bên cạnh hoạt động đầu tư. Trong đó tỷ lệ tổn thất và tỷ lệ chi phí hoạt động cũng không có nhiều biến động trong các năm.

- Thông tin về ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

⁸ Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính bằng cổ tức bằng tiền chia cho lợi nhuận sau thuế được phép phân phối

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong hai năm 2020, 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những thuận lợi và khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- Với lợi thế về vốn, công nghệ, thương hiệu, kinh nghiệm quản lý của công ty mẹ PVI Holdings, PRE có một nền tảng sức mạnh lớn trong việc xây dựng hệ thống, định hướng chiến lược, quản trị điều hành, đào tạo cán bộ và tạo dựng lợi thế cạnh tranh.
- Tập thể Lãnh đạo & nhân viên đoàn kết, quyết tâm. Đội ngũ kinh doanh giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, chuyên môn nghiệp vụ cao, sáng tạo, năng động.
- Công tác quản trị hiệu quả, liên tục được nâng cao, đảm bảo theo chuẩn quốc tế. Sự chỉ đạo và phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành giữ được sự thống nhất và nhất quán.
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng năng suất lao động. Các phần mềm ứng dụng được sử dụng trong hợp tác, kết nối với nhiều khách hàng bên ngoài.
- Việc được A.M.Best tăng hạng rating từ B+ lên B++, tăng uy tín với tư cách nhà nhận tái bảo hiểm của PRE, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh với các nhà tái trong và ngoài nước.
- Bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm khai thác ngoài các sản phẩm truyền thống như tài sản, kỹ thuật, hàng hóa, xe cơ giới để bắt kịp với xu hướng thị trường bảo hiểm trong nước.

Khó khăn:

- Công ty gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài và tình hình kinh tế - xã hội nói chung.
- Quy mô vốn nhỏ làm hạn chế cơ hội tiếp cận các dịch vụ kinh doanh lớn, có hiệu quả trên thị trường, hạn chế tiềm lực để mở rộng, phát triển kinh doanh.
- Thị trường cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt trong mảng nghiệp vụ bán lẻ với mức tỷ lệ bồi thường có xu hướng tăng trở lại.

Trong các năm sắp tới, PRE tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và kế hoạch đề ra: tiếp tục phát triển sản phẩm truyền thống đồng thời phát triển thêm sản phẩm bán lẻ, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài có điểm tương đồng và mở rộng thêm thị trường nước ngoài khác. Công ty cũng đặt mục tiêu tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn kỹ thuật cao, tăng cường đào tạo tại nước ngoài khi có điều kiện.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Từ khi thành lập tới nay, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 460 tỷ đồng lên 728 tỷ đồng nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính tới thời điểm 30/09/2022, tổng tài sản của Công ty là 5.583 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả là gần 4.648 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đẩy mạnh doanh thu cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty (doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 tăng trưởng 10,54 % so với năm 2020).

Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng tài sản	4.527.244	5.028.168	5.432.336	5.583.674
Nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871
Vốn chủ sở hữu	942.754	894.842	920.999	934.803
Vốn điều lệ	728.000	728.000	728.000	728.000

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

2.1.2 Trích khấu hao TSCĐ

➤ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành

Trong hai năm 2020, 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có những thuận lợi và khó khăn như sau:

Thuận lợi:

- Với lợi thế về vốn, công nghệ, thương hiệu, kinh nghiệm quản lý của công ty mẹ PVI Holdings, PRE có một nền tảng sức mạnh lớn trong việc xây dựng hệ thống, định hướng chiến lược, quản trị điều hành, đào tạo cán bộ và tạo dựng lợi thế cạnh tranh.
- Tập thể Lãnh đạo & nhân viên đoàn kết, quyết tâm. Đội ngũ kinh doanh giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, chuyên môn nghiệp vụ cao, sáng tạo, năng động.
- Công tác quản trị hiệu quả, liên tục được nâng cao, đảm bảo theo chuẩn quốc tế. Sự chi đạo và phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành giữ được sự thông suốt và nhất quán.
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng năng suất lao động. Các phần mềm ứng dụng được sử dụng trong hợp tác, kết nối với nhiều khách hàng bên ngoài.
- Việc được A.M.Best tăng hạng rating từ B+ lên B++, tăng uy tín với tư cách nhà nhận tái bảo hiểm của PRE, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh với các nhà tái trong và ngoài nước.
- Bắt đầu đa dạng hóa sản phẩm khai thác ngoài các sản phẩm truyền thống như tài sản, kỹ thuật, hàng hóa, xe cơ giới để bắt kịp với xu hướng thị trường bảo hiểm trong nước.

Khó khăn:

- Công ty gặp khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài và tình hình kinh tế - xã hội nói chung.
- Quy mô vốn nhỏ làm hạn chế cơ hội tiếp cận các dịch vụ kinh doanh lớn, có hiệu quả trên thị trường, hạn chế tiềm lực để mở rộng, phát triển kinh doanh.
- Thị trường cạnh tranh khốc liệt, đặc biệt trong mảng nghiệp vụ bán lẻ với mức tỷ lệ bồi thường có xu hướng tăng trở lại.

Trong các năm sắp tới, PRE tiếp tục bám sát chiến lược phát triển và kế hoạch đề ra: tiếp tục phát triển sản phẩm truyền thống đồng thời phát triển thêm sản phẩm bán lẻ, đẩy mạnh khai thác thị trường trong nước và các thị trường nước ngoài có điểm tương đồng và mở rộng thêm thị trường nước ngoài khác. Công ty cũng đặt mục tiêu tuyển dụng thêm cán bộ có chuyên môn kỹ thuật cao, tăng cường đào tạo tại nước ngoài khi có điều kiện.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Từ khi thành lập tới nay, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 460 tỷ đồng lên 728 tỷ đồng nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty. Tính tới thời điểm 30/09/2022, tổng tài sản của Công ty là 5.583 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả là gần 4.648 tỷ đồng. Việc tăng vốn điều lệ và vốn kinh doanh trong những năm gần đây đã góp phần đem lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể là đẩy mạnh doanh thu cho các lĩnh vực hoạt động của Công ty (doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 tăng trưởng 10,54 % so với năm 2020).

Bảng 22: Cơ cấu vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng tài sản	4.527.244	5.028.168	5.432.336	5.583.674
Nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871
Vốn chủ sở hữu	942.754	894.842	920.999	934.803
Vốn điều lệ	728.000	728.000	728.000	728.000

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

2.1.2 Trích khấu hao TSCĐ

➤ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bảng 23: Thời gian khấu hao TSCĐ

Nhóm tài sản	Thời gian
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Nhóm tài sản	Thời gian
Phương tiện vận tải	06 năm

➤ **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm kế toán, phần mềm quản lý và bản quyền các phần mềm khác (gọi chung là “phần mềm máy tính”). Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 24: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	45,6 triệu	59,5 triệu

Nguồn: PRE

2.1.4 Tình hình công nợ

Bảng 25: Thông tin về tình hình công nợ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Tổng số nợ phải thu	439.894	425.008	810.530	797.728
Tổng số nợ phải trả	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

2.1.5 Các khoản phải thu

Bảng 26: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Các khoản phải thu ngắn hạn	431.893	417.008	802.530	789.728
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	435.899	420.795	803.049	792.778
Phải thu ngắn hạn khác	1.523	915	3.687	3.475
Dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi	-5.529	-4.702	-4.206	-6.525
Các khoản phải thu dài hạn	8.000	8.000	8.000	8.000
Ký quỹ bảo hiểm	8.000	8.000	8.000	8.000
Tổng cộng	439.894	425.008	810.530	797.728

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

• Các khoản phải thu quá hạn của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	Giá trị có thể thu hồi
Ngày 31/12/2020					
Phải thu của khách hàng	7.655				
Thời gian quá hạn:					
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.279	Các khoản công nợ về phí và bồi thường quá hạn của khách hàng	Vẫn có khả năng thu hồi thông qua hoạt động đối trừ công nợ tái bảo hiểm	383,70	895,30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm.	1.527			763,50	763,50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.533			1.073,10	459,90
Từ 3 năm trở lên	3.316			3.316	-
Tổng cộng	7.655			5.536,30	2.118,70
Ngày 31/12/2021					
Phải thu của khách hàng	6.355				
Thời gian quá hạn:					
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.467	Các khoản công nợ về phí và bồi thường quá hạn của khách hàng	Vẫn có khả năng thu hồi thông qua hoạt động đối trừ công nợ tái bảo hiểm	440,10	1.026,90
Từ 1 năm đến dưới 2 năm.	977			488,50	488,50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	459			321,30	137,70
Từ 3 năm trở lên	3.452			3.452	-

Chỉ tiêu	Giá trị	Nguyên nhân	Khả năng thu hồi	Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn khó đòi	Giá trị có thể thu hồi
Tổng cộng	6.355			4.701,90	1.653,10
Ngày 30/06/2022					
<i>Phải thu của khách hàng</i>	7.070				
<i>Thời gian quá hạn:</i>					
<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	3.234	<i>Các khoản phí, bồi thường quá hạn chưa thanh toán</i>	<i>Vẫn có khả năng thu hồi, PRE sẽ thực hiện đối trừ với các công nợ khác</i>	970,20	2.263,80
<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>	1.025			512,50	512,50
<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	291			203,70	87,30
<i>Từ 3 năm trở lên</i>	2.520			2.520	-
Tổng cộng	7.069			4.206,40	2.863,60
Ngày 30/09/2022					
<i>Phải thu của khách hàng</i>					
<i>Thời gian quá hạn:</i>					
<i>Từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	2.981	<i>Các khoản phí, bồi thường quá hạn chưa thanh toán</i>	<i>Vẫn có khả năng thu hồi, PRE sẽ thực hiện đối trừ với các công nợ khác</i>	894	2.087
<i>Từ 1 năm đến dưới 2 năm.</i>	1.983			992	991
<i>Từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	644			451	193
<i>Từ 3 năm trở lên</i>	4.188			4.188	-
Tổng cộng	9.796			6.525	3.271

2.1.6 Các khoản phải trả

Bảng 27: Các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Nợ ngắn hạn	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871
Phải trả người bán ngắn hạn	533.841	632.978	784.755	856.447
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10.366	16.802	9.017	2.839
Phải trả người lao động	11.060	22.738	4.402	7.004
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	113.730	100.862	148.346	129.383
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	121.667	99.854
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	2.989	5.385	9.176	3.813
Các khoản dự phòng nghiệp vụ	2.909.479	3.354.561	3.433.973	3.549.530
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	3.584.490	4.133.326	4.511.337	4.648.871

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

➤ Nợ ngắn hạn, dài hạn

Bảng 28: Nợ vay của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
1	Vay ngắn hạn	0	0	121.667	99.854
	Vay ngắn hạn	0	0	121.667	99.854
2	Vay dài hạn	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	121.667	99.854

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Bảng 29: Dư nợ các khoản vay của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
----------	------------	------------	------------	------------

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	0	0	121.667	99.854
Tổng cộng	0	0	121.667	99.854

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Số dư tại 30/06/2022 và 30/09/2022 phản ánh dư nợ khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng vay vốn số 01/22/HM/5551319 ngày 30 tháng 3 năm 2022 với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 VND trong 12 tháng để tài trợ cho mục đích thanh toán chi phí tái bảo hiểm.

➤ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Tính đến thời điểm 30/09/2022, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

2.1.7 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

Bảng 30: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Thuế Giá trị gia tăng	86	134	23	167
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.233	13.775	7.908	2.335
Thuế Thu nhập cá nhân	1.867	2.738	831	-94
Thuế và các khoản phải nộp khác	180	153	256	409
Tổng cộng	10.366	16.802	9.017	2.839

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật và nộp các khoản thuế cho nhà nước đúng thời hạn.

2.1.8 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Điều lệ Công ty, trước khi thực hiện phân chia cổ tức, Công ty phải trích lập các quỹ. Việc trích lập các quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đúng chế độ tài chính hiện hành do Nhà nước quy định.

Bảng 31: Các quỹ trích lập của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	30/06/2022	30/09/2022
Quỹ Đầu tư phát triển	0	0	0	0
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.989	5.385	9.176	3.813
Tổng cộng	2.989	5.385	9.176	3.813

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

2.1.9 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 32: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,09	1,03	1,04	1,03
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,03	1,04	1,03
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,79	0,82	0,83	0,83
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,80	4,62	4,90	4,97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,17	0,18	0,12	0,18
- Vòng quay vốn lưu động Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,21	0,21	0,14	0,21
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân		-	-	-	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần HĐKD bảo hiểm		18,99%	17,13%	13,16%	10,0%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài		3,26%	3,05%	1,61%	1,95%

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021	06 tháng đầu năm 2022	09 tháng đầu năm 2022
<i>sản bình quân</i>					
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>		16,28%	15,87%	9,30%	10,98%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Lần	1.855	1.842	1.110	1.291

Nguồn: BCTC năm 2020, 2021 đã được kiểm toán và BCTC soát xét Quý II và Quý III năm 2022 của PRE

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Đối với báo cáo tài chính kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Đối với báo cáo tài chính soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

Đối với báo cáo tài chính soát xét cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2022:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 9 tháng

kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2022	
	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021
Tổng doanh thu ⁹	2.140	5,6%
Lợi nhuận sau thuế	136	-6,2%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	14,9%	
Tỷ lệ cổ tức	14%	

4.1 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

- Kế hoạch kinh doanh 2022 được xây dựng dựa trên cơ sở vốn điều lệ của công ty không thay đổi ở mức 728 tỷ.
- Kế hoạch năm 2022, tổng doanh thu kế hoạch đạt 2.140 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 170 tỷ. Đối với thị trường trong nước, với sự kỳ vọng về phục hồi kinh tế cũng như đẩy mạnh về đầu tư công, năng lượng tái tạo, PRE đặt mục tiêu tăng trưởng rất cao cho các nghiệp vụ này. Đối với thị trường nước ngoài, PRE đánh giá đây là thị trường có nhiều tiềm năng nhưng cũng nhiều rủi ro, chính sách khai thác cần thận trọng để đảm bảo hiệu quả
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022 là 14% trên vốn điều lệ 728 tỷ đồng. Phần lãi còn lại để phục vụ phát triển kinh doanh của PRE.
- Đa dạng hóa danh mục đầu tư tài chính, tối ưu hóa dòng tiền để tăng hiệu quả đầu tư, vẫn đảm bảo an toàn theo đúng quy định.

4.2 Đánh giá của Tổ chức tư vấn (và Tổ chức kiểm toán độc lập, nếu có) về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

- Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) đã thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh của PRE do Công ty cung cấp tại thời điểm lập Bản cáo bạch. PRE đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho MBS và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

⁹ Tổng doanh thu tương đương tổng của (i) Phí nhận tái bảo hiểm (chưa xét đến Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và Phí nhượng tái bảo hiểm (sau điều chỉnh Tăng/(Giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm); (ii) Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm; (iii) Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm và (iv) Doanh thu hoạt động tài chính

Chúng tôi nhận thấy Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo và đội ngũ quản lý có trình độ và tâm huyết đối với doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua tương đối tốt. 9 tháng đầu năm 2022, tổng doanh thu của Công ty đạt 2.271 tỷ đồng, tương đương 106,1% kế hoạch cả năm 2022.

- Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch kinh doanh của PRE phụ thuộc vào các ngành công ty đang cung cấp dịch vụ và đặc biệt phụ thuộc vào tình hình thị trường tái bảo hiểm và diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô. Trong trường hợp không có các diễn biến bất lợi nghiêm trọng và nếu các dự đoán, nhận định của Ban lãnh đạo của Công ty về thị trường là sát với thực tế, chúng tôi đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức Công ty đưa ra có thể thực hiện được.
- Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty trở thành công ty cổ phần từ năm 2013, theo quy định tại Khoản 3, Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 23/06/2022

Bảng 33: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

TT	Tên cổ đông	Năm thành lập/ Năm sinh	CMT/ Hộ chiếu CCCD hoặc GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VDL (%)
1.	Công ty Cổ phần PVI	2007	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép thành lập và hoạt động số 42 GP/KDBH ngày 12/03/2007 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 010015116 1 cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 19, ngày 23/08/2021 	Tòa nhà PVI, Lô VP2, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	53.226.825	73,11
2.	Nguyễn Phúc Anh	1995	013185227	36A, Lý Nam Đế, Hà Nội	7.192.814	9,88

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 23/06/2022 của Công ty

7.1 Tên cổ đông lớn: Công ty cổ phần PVI (viết tắt là “PVI”)

- Mã chứng khoán: PVI
- Năm thành lập: 2007
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 42 GP/KDBH ngày 12/03/2007
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100151161 cấp lần đầu ngày 12/03/2007, thay đổi lần thứ 19, ngày 23/08/2021
- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà PVI, lô VP2, phố Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 2.342.418.670.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Xuân Hòa
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức phát hành: Phùng Tuấn Kiên – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Cổ đông lớn: Công ty Cổ phần PVI

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (tháng 10/2013)	Hiện tại (23/6/2022)	Dự kiến sau đợt chào bán
Số lượng cổ phần nắm giữ	46.000.000	53.226.825	76.330.776
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	68,86%	73,11%	73,11%
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	46.000.000	53.226.825	76.330.776
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	68,86%	73,11%	73,11%

+ Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn Công ty Cổ phần PVI

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Jens Holger Wohlthat	Chủ tịch HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
2	Nguyễn Xuân Hòa	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
3	Đoàn Linh	Ủy viên HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
4	Bùi Thị Nguyệt	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
5	Ulrich Heinz Wollschlagger	Ủy viên HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
6	Dương Thanh Danh Francois	Ủy viên HĐQT	20.000 cổ phần, chiếm 0,03%	20.000 cổ phần, chiếm 0,03%	28.681 cổ phần, chiếm 0,03%
7	Pecastaing Pierre Tatiana	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
8	Christian Sebastian Mueller	Ủy viên độc lập HĐQT	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
9	Hà Lan	Trưởng BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
10	Lê Tài Đức	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
11	Daryl John Vella	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
12	Trần Trọng Bình	Thành viên BKS	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
13	Trịnh Quỳnh Giao	Giám đốc đầu tư	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
14	Vũ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
15	Phạm Anh Đức	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
16	Phùng Tuấn Kiên	Phó Tổng giám đốc	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
17	Trần Duy Cường	Kế toán trưởng	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
18	Trần Trung Hiếu	Thư ký công ty	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (10/2013)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
19	Đào Hải Yến	Thư ký công ty	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với: cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần đang phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ. Cụ thể như sau:

STT	Tên Công ty	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (Đồng)	Các điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
1	Công ty cổ phần PVI	Hợp đồng cho thuê văn phòng và dịch vụ tòa nhà năm 2022	8.500.000.000	Không có	HĐQT
2	Công ty cổ phần PVI	Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ Công nghệ thông tin năm 2022	3.000.000.000	Không có	HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Ngoài các giao dịch đã liệt kê ở bảng trên thì không có lợi ích liên quan nào khác.
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nếu các thông tin sau:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của cổ đông lớn Công ty cổ phần PVI với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành	- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	- Bảo hiểm PVI là công ty con của Công ty cổ phần PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

7.2 Tên cổ đông lớn: Nguyễn Phúc Anh

- Năm sinh: 1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

+ Cổ đông lớn: Nguyễn Phúc Anh

	Thời điểm trở thành cổ đông lớn (07/2016)	Hiện tại (23/6/2022)	Dự kiến sau đợt chào bán
Số lượng cổ phần nắm giữ	4.635.000	7.192.814	10.314.969
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	6,94%	9,88%	9,88%
Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	4.635.000	7.192.814	10.314.969
Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết	6,94%	9,88%	9,88%

+ Những người có liên quan của cổ đông lớn Nguyễn Phúc Anh

TT	Người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn (07/2016)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện tại (23/6/2022)	Số lượng cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ cổ phần nắm giữ, Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
1	Nguyễn Anh Tuấn	Bố đẻ	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
2	Chu Minh Châu	Mẹ đẻ	3.300.000 cổ phần, chiếm 4,94%	3.580.000 cổ phần, chiếm 4,92%	5.133.956 cổ phần, chiếm 4,92%
3	Nguyễn Hà Thu	Chị gái	3.300.000 cổ phần, chiếm 4,94%	3.596.407 cổ phần, chiếm 4,94%	5.157.484 cổ phần, chiếm 4,94%
4	Phan Trịnh Quốc Kiên	Anh rể	50.000 cổ phần, chiếm 0,075%	191.736 cổ phần, chiếm 0,26%	274.962 cổ phần, chiếm 0,26%
5	Công ty cổ phần Finnam	Ông Nguyễn Phúc Anh là TGD	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%	0 cổ phần, chiếm 0%
6	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	Ông Nguyễn Phúc Anh là Chủ tịch HĐQT	150.000 cổ phần, chiếm 0,225%	1.078.597 cổ phần, chiếm 1,48%	1.546.779 cổ phần, chiếm 1,48%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với: cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần đang phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ. Cụ thể như sau: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng

Bảng 34: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh
Hội đồng quản trị		
1	Phùng Tuấn Kiên	Chủ tịch HĐQT
2	Dương Thanh Danh Francois	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Phúc Anh	Thành viên HĐQT
4	Trịnh Văn Lượng	Thành viên độc lập HĐQT
5	Trần Duy Cường	Thành viên HĐQT
Ủy ban kiểm toán		
1	Trịnh Văn Lượng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
2	Trần Duy Cường	Thành viên Ủy ban kiểm toán
Ban điều hành		
1	Trịnh Anh Tuấn	Tổng giám đốc
2	Lê Thị Thuý	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng giám đốc
4	Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng giám đốc
Kế toán trưởng		
1	Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

Nguồn: PRE

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Phùng Tuấn Kiên - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên : **Phùng Tuấn Kiên**
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 21/09/1976
 Nơi sinh : Hà Nội
 Số CMND : 001076023135 cấp ngày 07/03/2019 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 10 tổ 11A, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD

Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2022-07/2022	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
07/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1998-5/2002	Công ty Thiết bị điện thoại	Chuyên viên phòng kế toán
6/2002-1/2006	Công ty Bảo hiểm Dầu khí	Chuyên viên phòng kế toán
2/2006-2/2007	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó Trưởng phòng kế toán
3/2007-7/2011	Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Kế toán trưởng
8/2011-11/2014	Công ty cổ phần PVI	Kế toán trưởng
11/2014-nay	Công ty cổ phần PVI	Phó Tổng giám đốc
07/2016-08/2022	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI	Chủ tịch HĐQT
06/2020-nay	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL*
- *Được ủy quyền đại diện: 22.467.239 cổ phiếu, chiếm 30,86% VDL*

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Phùng Tuấn Kiên là Phó TGD

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chủ tịch Hội đồng quản trị: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng

ký chào bán và đến thời điểm hiện tại: Hướng mức thù lao kiêm nhiệm: Thành viên HĐQT là 5.000.000 đồng/tháng từ ngày 24/6/2022 đến ngày 18/7/2022 và lương thù lao kiêm nhiệm Chủ tịch HĐQT là 20.000.000 đồng/tháng từ ngày được bổ nhiệm 19/7/2022 đến nay:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	Ước lượng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0	1.022.728	47.308.442

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành - Công ty có cùng công ty mẹ	- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	- Ông Phùng Tuấn Kiên giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên của Bảo hiểm PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

3.1.2. Ông Dương Thanh Danh Francois - Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên : **Dương Thanh Danh Francois**
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 26/09/1969
 Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn, Việt Nam)
 Số CMND : 18FV13495 cấp ngày 03/12/2018 tại Singapore
 Quốc tịch : Pháp
 Địa chỉ thường trú : Linden T1-A 20-05, Thủ Đức, TPHCM
 Trình độ văn hóa : Đại học

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính, thạc sĩ Quản trị kinh doanh, có kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị rủi ro, tài chính và 30 năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm

Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2016-03/2019	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
03/2019-03/2020	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Chủ tịch HĐQT
06/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992-1994	Chryseis and Cabinet Besse/Usinor Group	Chuyên viên IT, chuyên viên bảo hiểm tín dụng
1994-1996	Hatos/ Unisor group	Chuyên viên giải quyết khiếu nại bảo hiểm
1996-1999	Usinor Group	Kiểm soát viên
1999-2002	Usinor Group	Quản lý bảo hiểm
2002-2012	Arcelor Mittal Group (2006-2012), Arcelor Group (2002-2006)	Giám đốc bảo hiểm cấp cao
6/2012-5/2014	PVI Holdings	Thành viên HĐQT
6/2014-12/2015	HDI Global SE	Giám đốc khu vực Châu Á (ngoại trừ Nhật Bản)
2016-01/2021	HDI Global SE	Giám đốc khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (ngoại trừ Nhật Bản)
01/2021-nay	HDI Global SE	Giám đốc phụ trách hoạt động tại Việt Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 14.744.864 cổ phiếu, chiếm 20,25% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
----	--------------------	--------------------------	-----------------------	-------------

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Dương Thanh Danh Francois là Phó chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên Hội đồng quản trị	0	0	2.045.454	29.045.454

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành - Công ty có cùng 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ 	<ul style="list-style-type: none"> - Ông Dương Thanh Danh Francois giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT của Bảo hiểm PVI 	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
		công ty mẹ			

3.1.3. Ông Nguyễn Phúc Anh – Thành viên HĐQT

Họ và tên : Nguyễn Phúc Anh
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 05/01/1995
 Nơi sinh : Thành phố Hà Nội
 Số CMND : 013185227 cấp ngày 28/04/2009 tại Công an Thành phố Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 36 Lý Nam Đế, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/2017-07/2018	Công ty cổ phần giải trí và giáo dục Galaxy (tiền thân là Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy)	Điều phối sản xuất
08/2018-06/2020	Công ty cổ phần giải trí và giáo dục Galaxy (tiền thân là Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Galaxy)	Từ 08/2018-06/2019: Điều phối sản xuất Từ 07/2019-06/2020: Chuyên viên phát triển dự án
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính
07/2020-09/2021	Công ty TNHH Bảo hiểm HD	Chuyên viên tái bảo hiểm
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính
10/2021-03/2022	Công ty TNHH Bảo hiểm HD	Chuyên viên tái bảo hiểm
	Công ty cổ phần Finnam	Tổng giám đốc
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chuyên gia tư vấn tài chính

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/2022-nay	Công ty cổ phần Finnam	Tổng giám đốc
	Công ty cổ phần đầu tư PV2	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- *Sở hữu cá nhân: 7.192.814 cổ phiếu, chiếm 9,88% VDL*
- *Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL*

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Chu Minh Châu	3.580.000	4,92%	Mẹ đẻ
2	Nguyễn Hà Thu	3.596.407	4,94%	Chị gái
3	Phan Trịnh Quốc Kiên	191.736	0,26%	Anh rể
4	Công ty cổ phần Finnam	0	0%	Ông Nguyễn Phúc Anh là TGD
5	Công ty cổ phần Đầu tư PV2	1.078.597	1,48%	Ông Nguyễn Phúc Anh là Chủ tịch HĐQT

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	0	1.022.728	14.522.728

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.1.4. Ông Trịnh Văn Lượng - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Họ và tên : **Trịnh Văn Lượng**
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 23/02/1969
 Nơi sinh : Tỉnh Ninh Bình
 Số CMND : 037069000012 cấp ngày 23/08/2019 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 2/245/10 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính

Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên độc lập HĐQT
06/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1992-03/1997	Công ty Bảo Việt tỉnh Ninh Bình – Bảo Việt	Trưởng phòng Kế toán Kế hoạch
04/1997-08/1998	Công ty Bảo hiểm dầu khí Vũng Tàu - PVI	Trưởng phòng kế toán
09/1998-12/1998	Công ty Bảo hiểm dầu khí TP Hồ Chí Minh - PVI	Trưởng phòng kế toán
12/1998-8/2008	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Giám đốc Ban đầu tư
09/2008-03/2010	Công ty PV Tech – Tập đoàn dầu khí Quốc Gia	Phó Tổng giám đốc
04/2010-05/2010	Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Phó giám đốc
06/2010-11/2011	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Sông Hồng	Giám đốc
11/2011-08/2016	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Giám đốc
08/2016-02/2017	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng ban bảo hiểm con người
02/2017-11/2017	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng ban giải quyết khiếu nại và Quản lý rủi ro
11/2017-08/2018	Văn phòng Chăm sóc khách hàng phía Bắc – Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng văn phòng chăm sóc khách hàng
08/2018-07/2019	Công ty Bảo hiểm PVI- Nam Sông Hồng	Giám đốc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
07/2019-8/2021	Ban Tài chính kế toán - Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Phó Ban Tài chính kế toán
8/2021-nay	Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 49.091 cổ phiếu, chiếm 0,07% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	63.857.143	54.000.000	81.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCFH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
----	------------------	---------------------------------------	----------------------------------	--	--------------------------------------

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	<ul style="list-style-type: none"> Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành Công ty có cùng công ty mẹ 	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	<ul style="list-style-type: none"> Ông Trịnh Văn Lượng giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát nội bộ của Bảo hiểm PVI 	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

3.1.5. Ông Trần Duy Cường - Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Họ và tên : **Trần Duy Cường**
 Giới tính: : Nam
 Năm sinh : 03/03/1975
 Nơi sinh : tỉnh Thái Nguyên
 Số CMND : 019075010422 cấp ngày 17/03/2022 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : P203 TT Bộ Tài chính – 162 Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kế toán
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
10/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Ủy ban Kiểm toán

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
01/2000-	Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO	Nhân viên

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
09/2004		
11/2004-06/2007	Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO	Kiểm toán viên
07/2007-06/2011	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Phó phòng
07/2011-09/2014	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trưởng phòng
10/2014-nay	Công ty cổ phần PVI	Giám đốc ban, kế toán trưởng
09/2021-nay	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Kiểm soát viên

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Công ty cổ phần PVI	53.226.825	73,11%	Ông Trần Duy Cường là Kế toán trưởng

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhân theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Thành viên HĐQT	0	63.857.143	27.000.000	40.500.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành:

TT	Tên doanh nghiệp	Mối quan hệ của doanh nghiệp với TCPH	Hoạt động chính của doanh nghiệp	Mối quan hệ của đối tượng và những người có liên quan với doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
1	Tổng Công ty Bảo hiểm PVI ("Bảo hiểm PVI")	- Khách hàng đóng góp trên 60% doanh thu của Tổ chức phát hành - Công ty có cùng công ty mẹ	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ	- Ông Trần Duy Cương là Kiểm soát viên Bảo hiểm PVI	PRE đảm bảo thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện công bố thông tin minh bạch

3.2 Ủy ban kiểm toán

3.2.1 Ông Trịnh Văn Lượng - Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

Xem tại mục 3.1.4, Mục VI của Bản cáo bạch này.

3.2.2 Ông Trần Duy Cương - Thành viên HĐQT kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Xem tại mục 3.1.5, Mục VI của Bản cáo bạch này.

3.3 Ban điều hành

3.3.1 Trịnh Anh Tuấn – Tổng giám đốc

Họ và tên : **Trịnh Anh Tuấn**
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 26/02/1981
 Nơi sinh : Phú Thọ
 Số CMND/ Hộ chiếu : 012043394 cấp ngày 29/07/2010 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 25 Ngõ 176 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế bảo hiểm
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2002-9/2006	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm
09/2006-04/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Trưởng nhóm nhận Tái bảo hiểm
04/2007-08/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc PVI Nam sông Hồng
08/2007-07/2008	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Tổng hợp pháp chế
07/2008-05/2009	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật
05/2009-12/2009	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Kinh doanh bảo hiểm phía Nam
01/2010-05/2010	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban Bảo hiểm kỹ thuật
06/2010-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Giám đốc Ban Tái Bảo hiểm
07/2011-11/2012	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
11/2012-08/2016	Tổng công ty Bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc
03/2013-10/2013	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên Hội đồng thành viên
07/2014-11/2016	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
01/2019-06/2022	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Thành viên HĐQT
08/2016-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 86.982 cổ phiếu, chiếm 0,119% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Trịnh Lan Phương	1.000	0 %	Chị gái
2	Nguyễn Thị Thanh Nga	58.600	0,08%	Vợ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Tổng giám đốc	1.547.284.425	3.519.309.167	2.669.719.793	3.140.085.557

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3.2 Bà Lê Thị Thúy – Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Lê Thị Thúy
 Giới tính : Nữ
 Năm sinh : 19/05/1973
 Nơi sinh : Thanh Hóa
 Số CMND/ Hộ chiếu : 038173000797 cấp ngày 27/6/2016 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : SN16 – Ngách 103/6 Cù Chính Lan, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Thương mại quốc tế và Tài chính
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
08/2006-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
07/2011-08/2015	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Quản lý và đầu tư
08/2015-6/2021	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Kinh doanh I

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
6/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/1994-06/1995	Petrolimex	Chuyên viên phòng xuất nhập khẩu
06/1995-12/1998	PJICO	Chuyên viên phòng Tái bảo hiểm
01/1999-07/2006	PJICO	Phó phòng Tái bảo hiểm

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu, chiếm 0,014% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Lê Huy Giang	10.000	0,01%	Chồng

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Phó Tổng giám đốc	1.143.575.685	2.134.139.067	1.257.112.196	1.591.475.260

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3.3 Ông Nguyễn Hồng Long - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : **Nguyễn Hồng Long**
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 29/09/1976
 Nơi sinh : Hải Phòng
 Số CMND/ Hộ chiếu : 011882472 cấp ngày 17/09/2008 tại Hà Nội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : 129 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2002-08/2007	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Chuyên viên Ban tái bảo hiểm
08/2007-09/2008	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
10/2008-04/2009	Công ty Bảo hiểm PVI TP Hồ Chí Minh	Phó Tổng giám đốc
04/2009-05/2009	Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
05/2009-07/2011	Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí VN	Phó giám đốc Ban Tái bảo hiểm
07/2011- 6/2021	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc Giám đốc Khối Kinh doanh 2
6/2021-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phiếu, chiếm 0,069% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022):

TT	Người có liên quan	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ	Mối quan hệ
1	Vũ Văn Anh	50.000	0,07%	Vợ

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Phó Tổng giám đốc	1.109.558.415	2.089.893.567	1.242.663.020	1.568.620.984

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3.4 Ông Nguyễn Anh Hùng - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Anh Hùng
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 06/12/1976
 Nơi sinh : Nghệ An
 Số CMND/ Hộ chiếu : 022076001275 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 64, ngõ 158 Nguyễn Văn Cừ, tổ 5 phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Thiết bị điện – điện tử, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
04/2013-09/2013	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Kỹ sư ban tái bảo hiểm tạm thời
10/2013-06/2016	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó phòng giải quyết khiếu nại
06/2016-03/2017	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng kinh doanh trong

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
		nước
10/2017-09/2018	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng 3- Khối kinh doanh 2
10/2018-04/2019	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng phòng kinh doanh phía nam
05/2019-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Trưởng ban kinh doanh 3
04/2022-nay	Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	Phó Tổng giám đốc

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
05/1999-12/2007	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Kỹ sư Ban quản lý dự án Thủy điện 1
01/2008-10/2008	Tổng công ty bảo hiểm dầu khí PVI	Kỹ sư ban tái bảo hiểm
11/2008-03/2013	Công ty Cổ phần phát triển điện lực Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Phó giám đốc phụ trách Trung tâm tư vấn thiết kế

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty : Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 10 cổ phiếu, chiếm 0,00% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù	Phó Tổng	-	-	807.977.874	1.101.211.287

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
	lao	giám đốc				

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

3.3.5 Ông Ngô Thanh Hải – Kế toán trưởng

Họ và tên : Ngô Thanh Hải
 Giới tính : Nam
 Năm sinh : 09/08/1986
 Nơi sinh : Hà Tĩnh
 Số CMND/ Hộ chiếu : 186311080 cấp ngày 16/08/2012 tại Nghệ An
 Quốc tịch : Việt Nam
 Địa chỉ thường trú : Số 10 Ngõ 8 - Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa – Hà Nội
 Trình độ văn hóa : Đại học
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
 Quá trình công tác:

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2014-02/2015	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Chuyên viên Bộ phận Tài chính kế toán
02/2015-12/2016	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Chuyên viên Bộ phận Chiến lược Tuân Thủ
01/2017-11/2017	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Phó Phòng Chiến lược Tuân Thủ
11/2017-08/2018	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Trưởng phòng Kế toán
08/2018-02/2019	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Trưởng phòng Kế toán, được giao nhiệm vụ thực hiện chức trách, nhiệm vụ Kế toán trưởng
03/2019-nay	Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI	Kế toán trưởng

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
06/2008-06/2010	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trợ lý kiểm toán
06/2010-06/2014	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Kiểm toán viên chính

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Số lượng cổ phần nắm giữ của cá nhân và người có liên quan (tại 23/06/2022):

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL
- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL

Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành (tại 23/06/2022): Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, Công ty con của Tổ chức phát hành, Công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với đối tượng và những người có liên quan của đối tượng: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đang ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

STT	Lợi ích	Chức vụ	Năm 2020 (Đồng)	Năm 2021 (Đồng)	06 tháng đầu năm 2022 (Đồng)	09 tháng đầu năm 2022 (Đồng)
1	Thù lao	Kế toán trưởng	890.135.845	1.448.249.067	980.245.664	1.301.842.031

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

31.600.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

316.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ đồng).

5. Giá chào bán dự kiến

20.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phần là mức giá do ĐHĐCĐ thông qua.

7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện: 182:79. Mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phần sẽ có 01 quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, cứ mỗi 182 quyền mua được mua 79 cổ phiếu phát hành thêm. Số cổ phiếu phát hành thêm sẽ làm tròn xuống hàng đơn vị
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ:
 - o Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn số cổ phiếu cổ đông được mua xuống hàng đơn vị và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết: HDQT chào bán số cổ phần đó theo mức giá chào bán quy định cho các cổ đông hiện hữu (đã đăng ký mua theo thông báo ban đầu) theo đúng tỷ lệ số cổ phiếu đã đăng ký mua của cổ đông đó trên tổng số lượng cổ phần đã được đăng ký theo thông báo ban đầu.
 - o Sau đợt chào bán trên, đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết, HDQT quyết định tiêu chí và lựa chọn chào bán cho các nhà đầu tư khác (bao gồm các cổ đông hiện hữu) với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ

đồng hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đồng hiện hữu).

- o Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- o Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.
- o Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không quy định
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày.
- Phương thức đăng ký:
 - o Đối với cổ đông đã lưu ký: Công ty phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam phân phối và thông báo quyền mua tới các cổ đông thông qua các Công ty chứng khoán – thành viên lưu ký của VSD.
 - o Đối với cổ đông chưa lưu ký: cổ đông đăng ký thực hiện quyền mua tại Công ty - địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà PVI, Lô VP2, Khu nhà ở và công trình công cộng Yên Hòa, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Phương thức thanh toán: Tiền mua cổ phiếu phải chuyển vào vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo quy định tại điểm 11 Phần VII của Bản cáo bạch này.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Các điều khoản có liên quan:

- o Toàn bộ số cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng;
- o Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực và không quá 06 tháng kể từ khi được Bộ Tài chính chấp thuận nguyên tắc về phương án tăng vốn điều lệ. Thời gian phát hành dự kiến là Quý IV, năm 2022.

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận Giấy chứng nhận đăng ký chào bán từ UBCKNN.	T
2	Xác định ngày lập Danh sách số hữu cuối cùng và thông báo với VSD, HNX để triển khai chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	T đến T+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số báo liên tiếp.	T đến T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	T + 12
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	T+13
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ quyền mua cổ phiếu và thông báo quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	T+19 đến T+26
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phần.	T+20 đến T+40
8	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu. Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T+41 đến T+50
9	Xử lý số cổ phần không đăng ký, không nộp tiền mua (nếu có).	T+50 đến T+51
10	– Báo cáo UBCKNN kết quả đợt chào bán. – Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung	T+52 đến T+ 62
11	Công bố về việc giao dịch bổ sung và trao trả giấy chứng nhận sở	T+53 đến

STT	Nội dung công việc	Thời gian
	hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký.	T+64
12	Giao dịch cổ phiếu phát hành bổ sung.	T+85

Lịch trình phân phối cụ thể được Công ty công bố chính thức tại bản thông báo chào bán sau khi được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, đảm bảo quy định của pháp luật.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng một (01) lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3. Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên.
- Số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu bao gồm:
 - o Số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua;
 - o Số cổ phần phát sinh do làm tròn khi tính toán cổ phần được mua của cổ đông hiện hữu;
 - o Số cổ phần chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành (31.600.000 cổ phiếu) và tổng số lượng cổ phiếu thực tế phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 182:79;
 Số cổ phần còn lại này sẽ được HĐQT chào bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc được hủy và kết thúc đợt chào bán.
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu, chi tiết như sau:

- Số tài khoản: 000003720735
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đại An

- Chủ tài khoản: Tổng công ty Cổ phần Tài bảo hiểm PVI

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành:

Ngày 03/8/2022 Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 7666/BTC – QL BH về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho PVI Re.

13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hiện tại tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty được xác định tối đa là 100%.

Tại thời điểm ngày 03/11/2022, Công ty có cổ đông nước ngoài chiếm 0,40% vốn điều lệ (theo Bảng thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài được công bố bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam). Công ty cam kết việc thực hiện chào bán nhằm đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

14. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty

▪ Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

▪ Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế suất thuế VAT áp dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty là 10%.

▪ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của Pháp luật hiện hành.

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

▪ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2, Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thu nhập cá nhân 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2, Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 1/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

▪ Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp Nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, Nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu,

nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, Nhà đầu tư sẽ thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất 5%.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

▪ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

Đối với tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Đối với tổ chức nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014

▪ **Thu nhập từ cổ tức**

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.

15. Thông tin về các cam kết

- Công ty cam kết thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.
- Công ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, cụ thể: "Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích".

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

[Phần còn lại của trang này được có ý để trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Thực hiện thành công phương án tăng vốn trên, PVI Re sẽ có tiềm lực để tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh tiềm năng, hiệu quả và nòng cốt bao gồm mở rộng khả năng khai thác dịch vụ, nâng cao mức giữ lại. Vốn điều lệ tăng sẽ giúp PVI Re thực hiện các kế hoạch mục tiêu như sau:

- Với mức giá chào bán là 20.000 đồng, tổng số vốn dự kiến sẽ huy động được là 632 tỷ đồng. Nguồn vốn sẽ được sử dụng để đầu tư tài chính trong giới hạn cho phép của Bộ Tài chính với tiêu chí an toàn và hiệu quả cao;
- Tăng cường khả năng tài chính của PVI Re nhằm thu hút dịch vụ nhận tái bảo hiểm trong và ngoài nước. Đồng thời nâng cao mức giữ lại các dịch vụ có hiệu quả;
- Phát triển hơn nữa kinh doanh tái bảo hiểm các nghiệp vụ bán lẻ.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến tối đa là 632.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng để gia tăng nguồn vốn đầu tư cho hoạt động đầu tư tài chính theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:

STT	Các mục đích	Số tiền đầu tư (đồng)	Lợi tức dự kiến năm ¹⁰	Thời gian dự kiến giải ngân
1	Đầu tư Tiền gửi ngân hàng	377.000.000.000	6%	Năm 2023
2	Đầu tư dài hạn khác	255.000.000.000	8%	Năm 2023
	Tổng cộng	632.000.000.000		

Nguồn: PRE

Trong trường hợp số tiền thu từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến, PRE sẽ ưu tiên dùng số vốn thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên nêu trên.

Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổ chức phát hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

Hoạt động đầu tư tài chính của PRE được thực hiện tuân theo các quy định của Pháp luật, Luật kinh doanh bảo hiểm, Nghị định 73/2016/NĐ-CP và quy chế đầu tư, các quy định về hoạt động đầu tư tài chính được ban hành bởi PRE.

- Số tiền thu được từ đợt phát hành này, PRE dự kiến sẽ tiếp tục đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư dài hạn khác:
 - o Các khoản đầu tư tiền gửi ngân hàng: PRE dự kiến đầu tư các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 15 tháng trở xuống.
 - o Các khoản đầu tư dài hạn khác PRE có thể thực hiện đầu tư:
 - Trái phiếu ngân hàng thương mại, trái phiếu tăng vốn cấp 2 của ngân hàng thương mại thuộc nhóm I và nhóm II theo quy định của PRE về tổ chức tín dụng đủ điều kiện đầu tư tiền gửi và có kỳ hạn tối đa 2 năm, với hạn mức đầu tư tối đa là 30% tổng hạn mức được đầu tư¹¹.

¹⁰ Lợi tức dự kiến là lợi tức PRE ước tính cho thời hạn 01 năm và có thể biến động tùy thuộc vào tình hình thị trường thực tế tại và trong thời hạn đầu tư.

¹¹ Hạn mức được đầu tư của PRE được tính trên tổng nguồn vốn đầu tư, bao gồm: Vốn chủ sở hữu, Vốn nhân quỹ từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm, các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Hạn mức thực hiện đầu tư tất cả các tài sản của PRE luôn đảm bảo không vượt quá hạn mức theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành.

(Ví dụ, theo quy định hiện hành tại PRE, các ngân hàng thuộc nhóm I bao gồm: Vietcombank, MB Bank, BIDV, Vietinbank, Techcombank, ACB; các ngân hàng nhóm II bao gồm: VP Bank, TP Bank, Oricombank, HD Bank, VIB, SeABank, MSB)

- Trái phiếu doanh nghiệp có đảo đảm: trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc Chính Phủ, Chính quyền địa phương; trái phiếu doanh nghiệp có cam kết mua lại của tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán, Chính phủ, Chính quyền địa phương. Kỳ hạn đầu tư tối đa 36 tháng và hạn mức đầu tư tối đa của các loại trái phiếu này là 20% tổng hạn mức được đầu tư.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, 2021 và soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2022

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7105 0000 Fax: + 84 24 6288 5678

Website: www.deloitte.com/vn

Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán ra công chúng

Công ty thực hiện đợt phát hành cổ phiếu cho mục đích huy động vốn nhằm bổ sung và nâng cao năng lực tài chính cho hoạt động kinh doanh trên cơ sở tự cân nhắc, đánh giá, rà soát các nội dung từ thực tế hoạt động kinh doanh và các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những diễn biến thị trường vốn trong thời gian tới trên khía cạnh phân tích các rủi ro tiềm ẩn và tính khả thi.

Với tư cách đơn vị tư vấn tham gia lập Bản cáo bạch này, chúng tôi xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét trong Bản cáo bạch này được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn. Các ý kiến, nội dung được căn cứ vào những thông tin được cung cấp bởi chính Tổ chức phát hành (chúng tôi không thực hiện kiểm kê, đánh giá, rà soát, tra soát, truy xuất nguồn gốc, tính chính xác, tính trung thực, tính toàn diện, tính đầy đủ, tính chắc chắn của các thông tin, dữ liệu này) và các thông tin liên quan về thị trường được thu thập có chọn lọc, dựa trên lý thuyết về tài chính – chứng khoán mà không hàm ý đưa ra các dẫn dắt hay khuyến nghị đầu tư và cũng không bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn, chính xác của những thông tin, số liệu được trình bày. Các nội dung được trình bày trong Bản Cáo Bạch này chỉ mang tính chất tổng hợp thông tin để các nhà đầu tư biết và đọc tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư cần tự mình tìm hiểu, đánh giá, phân tích cơ hội và rủi ro đầu tư và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro đầu tư và chiến lược đầu tư và kế hoạch tài chính của mỗi nhà đầu tư tại từng thời điểm.

Bản Cáo Bạch này cùng các tài liệu khác của đợt chào bán của Tổ chức phát hành và các ý kiến của Tổ chức tư vấn không phải là tài liệu phân tích và khuyến nghị đầu tư và cũng không hàm ý, bằng cách này hay cách khác, hay bằng hình thức này hay hình thức khác, đưa ra các dẫn dắt hay hàm ý khuyến nghị đầu tư và cũng không đảm bảo giá trị của chứng khoán tại bất cứ thời điểm nào.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC PHÁT HÀNH,
TÒ CHỨC TƯ VẤN**

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2022

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phùng Tuấn Kiên

TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trịnh Anh Tuấn

Ngô Thanh Hải

**ĐẠI DIỆN TÒ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**



*PGĐ K. DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
Đoàn Linh Hương*

[Handwritten mark]

XIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy phép thành lập và hoạt động số 86GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 01/10/2013, Giấy phép điều chỉnh số 86/GPDC1/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/09/2018;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
3. **Phụ lục III:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCD ngày 24/06/2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
4. **Phụ lục IV:** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/BB-ĐHĐCD ngày 24/06/2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
5. **Phụ lục V:** Công văn số 7666/BTC – QL BH của Bộ Tài chính ngày 03/8/2022 về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ cho PVI Re;
6. **Phụ lục VI:** Nghị quyết của HĐQT số 37/NQ-PVIRE ngày 23/08/2022 v/v thông qua phương án chi tiết tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI;
7. **Phụ lục VII:** Nghị quyết của HĐQT số 38/NQ-PVIRE ngày 23/08/2022 v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2022 (chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ);
8. **Phụ lục VIII:** Nghị quyết của HĐQT số 40/NQ-PVIRE ngày 28/09/2022 v/v thông qua sửa đổi Phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2022;
9. **Phụ lục IX:** Báo cáo tài chính năm 2020 và 2021 được kiểm toán, Báo cáo tài chính Quý II và Quý III năm 2022 soát xét của Tổng công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI.

